

THE INVENTION OF CHINA

Zhongguo - China

Eight lucky steps took Xi Jinping to the stage in the Great Hall of the People; three military trumpeters heralded his ascension to the podium of regional power. From its heights Xi could gaze down, with his habitual look of practised boredom, upon the thirty-six heads of government, several chiefs of international organisations and a few of their spouses waiting expectantly at the top table. Behind them, a further 126 smaller tables stretched into the far corners of the room, around which sat over 1,000 members of foreign delegations. Xi stood alone at the apex of the arrangement. It was hardly necessary to further emphasise China's centrality but the set designers did so anyway. The stage was flanked by a pair of giant montages: compilations of landmarks and monuments from the ancient Silk Road, their arid landscapes contrasting with the ornate flower arrangements on the top table. Between the diners, swans courted on floral lily ponds, peacocks strutted through miniature gardens and doves took wing from delicate forests.

It was 26 April 2019, the opening banquet of the Second Belt and Road Forum in

SÁNG CHẾ RA TÊN TRUNG QUỐC

Zhongguo - Trung Quốc

Tám bước may mắn đã đưa Tập Cận Bình (TCB) lên sân khấu ở Đại lễ đường Nhân dân; ba lính kèn thổi hồi kèn báo hiệu việc ông bước lên đài quyền lực khu vực. Từ trên cao, với vẻ tẻ nhạt quen thuộc, TCB có thể nhìn xuống 66 vị đứng đầu chính phủ, một số người đứng đầu các tổ chức quốc tế cùng với một ít người hôn phối của họ đang chờ đợi ở bàn trên cùng. Phía sau họ, 126 chiếc bàn nhỏ hơn kéo dài tới các góc xa của căn phòng, xung quanh có hơn 1 000 thành viên các phái đoàn nước ngoài. TCB đứng một mình ở điểm cao nhất của cách bố trí. Hầu như không cần phải nhấn mạnh hơn nữa tính trung tâm của Trung Quốc nhưng dù sao các nhà thiết kế đã làm như vậy. Sân khấu được bao bọc bởi một cặp cảnh trí khổng lồ dựng lại: tổng hợp các điểm mốc và các tượng đài từ Con đường Tơ lụa xa xưa, cảnh quan khô cằn của chúng tương phản với cách trưng bày bông hoa công phu ở bàn trên cùng. Giữa các thực khách, những con thiên nga dạo chơi trên ao hoa súng, những con công sải bước qua những khu vườn nhỏ nhắn và những chú chim bồ câu cất cánh từ những khu rừng thanh lịch.

Đó là ngày 26 tháng 4 năm 2019, bữa tiệc khai mạc của Diễn đàn Vành đai và

Beijing. As well as offering fine words about regional cooperation, Xi wanted to talk about history. For millennia, the Silk Road had witnessed how countries achieved development and prosperity through commerce and enriched their cultures through exchanges, he told the delegations. 'Facing the myriad challenges of today, we can draw wisdom from the history of the Silk Road, find strength in win-win cooperation in the present day and build partnerships across the globe to jointly usher in a brighter future where development is shared by all.'¹

History, or rather a particular version of history, underpins events such as this. Through staging and rhetoric, Xi Jinping presents China as the natural leader of East Asia and perhaps beyond. The metaphor of the Silk Road is deployed as a diplomatic tool: ultimately, all its roads lead to Beijing. The tool, ironically, is a European invention. The name 'Silk Road' was probably first coined by an early German geographer, Carl Ritter, in 1838, adopted by another geographer, Ferdinand von Richthofen, in 1877 and popularised by a Swedish explorer, Sven Hedin, in the 1930s.² None of this seems to concern Xi. In the official Beijing version of history, the Silk Road is proof of the enduring centrality of China. Its rightful position has always been at the apex of regional politics. This is the natural historical order and this is how things will be in the future.

Con đường lần thứ hai tại Bắc Kinh. Cùng với việc đưa ra những từ ngữ đẹp đẽ về hợp tác khu vực, TCB muốn nói về lịch sử. Trong hàng thiên niên kỷ, Con đường Tơ lụa đã chứng kiến cách các nước tạo ra sự phát triển và thịnh vượng thông qua thương mại và làm giàu nền văn hóa của họ thông qua trao đổi, ông nói với các phái đoàn. 'Đối mặt với vô số thách thức hiện nay, chúng ta có thể rút ra sự khôn ngoan từ lịch sử của Con đường Tơ lụa, tìm thấy sức mạnh trong hợp tác cùng có lợi trong thời đại ngày nay và xây dựng quan hệ đối tác trên toàn cầu để cùng nhau mở ra một tương lai tươi sáng hơn, trong đó tất cả đều cùng chia sẻ sự phát triển.'¹

Lịch sử, hay đúng hơn là một phiên bản cụ thể của lịch sử, làm cơ sở cho các sự kiện như thế này. Qua dàn dựng và hô hào, Tập Cận Bình thể hiện Trung Quốc như nước lãnh đạo tự nhiên của khu vực Đông Á và có thể vượt khỏi đó. Cách ví von về Con đường Tơ lụa được triển khai như một công cụ ngoại giao: cuối cùng, mọi con đường của nó đều dẫn đến Bắc Kinh. Trớ trêu thay, công cụ này lại là một sáng chế của châu Âu. Cái tên 'Con đường tơ lụa' có lẽ được đặt ra lần đầu tiên bởi nhà địa lý người Đức thời kì đầu, Carl Ritter, vào năm 1838, được một nhà địa lý khác, Ferdinand von Richthofen, áp dụng vào năm 1877 và được một nhà thám hiểm người Thụy Điển, Sven Hedin, phổ biến vào những năm 1930.² Dường như chẳng điều nào trong số đó khiến TCB bận tâm. Trong phiên bản lịch sử chính thức của Bắc Kinh, Con đường Tơ lụa là bằng chứng về vị trí trung tâm vững chãi của Trung Quốc. Vị trí chính đáng của nó luôn là đỉnh cao của chính trị khu vực. Đây là trật tự lịch sử tự nhiên và đó

But the view of China that Xi projects at events such as these is a political concoction. In this chapter I will try to show that it too owes as much to European images of China as it does to China's ideas about itself. Just as the term 'Silk Road' was originally a European one, imposing an imagined order on a far more complex and chaotic history, so the very name 'China' was adopted by Westerners and given new meanings which were then transmitted back to East Asia. Over centuries, Europeans had developed a vision of a place they called 'China' based upon scraps of information sent home by explorers and priests and subsequently amplified by storytellers and orientalists. In European minds, 'China' became an ancient, independent, continuous state occupying a defined portion of continental East Asia.

In reality there was no state called 'China' during this period. From 1644 until 1912, 'China' was, in effect, a colony of an Inner Asian empire: the Qing Great-State. The Qing had created a multi-ethnic realm, of which 'China proper' - the fifteen provinces of the defeated Ming Dynasty - was just one part. The previous Ming state lasted for almost 300 years but it had not used the name China, either. Before the Ming, those territories had been part of a Mongol Great-State that had stretched as far as the Mediterranean: East Asia was just one

là cách mọi thứ sẽ diễn ra trong tương lai.

Nhưng cái nhìn về Trung Quốc mà TCB tung ra tại các sự kiện như thế này là một sự pha trộn chính trị. Trong chương I này tôi sẽ cố gắng cho thấy rằng nó cũng nhờ vả vào các hình ảnh châu Âu nhiều như các ý tưởng của Trung Quốc về chính mình. Giống như cụm từ 'Con đường tơ lụa' khởi đầu là cụm từ của người châu Âu, khi áp đặt một trật tự tưởng tượng lên một lịch sử phức tạp và hỗn loạn hơn nhiều, ngay cái tên 'China' cũng đã được người phương Tây chọn lấy và cho những ý nghĩa mới, sau đó được truyền ngược trở lại Đông Á. Qua nhiều thế kỉ, người châu Âu đã phát triển cách nhìn về một nơi mà họ gọi là 'China' dựa trên những thông tin vụn vặt do các nhà thám hiểm và linh mục gửi về quê hương và sau đó được những người kể chuyện và các nhà phương Đông học khuếch đại. Trong đầu óc người châu Âu, 'China' trở thành một quốc gia cổ, độc lập, liên tục chiếm một phần xác định của Đông Á lục địa.

Trên thực tế, không có nước nào được gọi là 'China' trong thời kì này. Thật ra, từ năm 1644 đến năm 1912, 'China' là thuộc địa của một đế chế Nội Á: Đại quốc Thanh. Nhà Thanh đã tạo ra một vương quốc đa chủng tộc, mà 'Trung Quốc thuần túy' (China proper)- tức là 15 tỉnh của nhà Minh bại trận - chỉ là một phần trong đó. Nhà Minh trước đó tồn tại gần 300 năm nhưng cũng không sử dụng cái tên Trung Quốc. Trước nhà Minh, những lãnh thổ đó là một phần của Đại quốc Mông Cổ trải dài đến tận Địa Trung Hải: Đông Á chỉ là một phần lãnh thổ của nó. Trước người

part of its domain. Before the Mongols, they were controlled by the rival Song, Xia and Liao states. These had occupied various parts of the territory we now call China and they, in turn, were different from the fragmented states that existed before them.

Each state was different in its territorial extent and its ethnic composition but each one needed to present itself as the legitimate successor to its predecessor. To retain the loyalty of officials and the wider population, therefore, each new governing elite needed to claim continuity with tradition. To receive the necessary 'mandate of heaven', it had to speak in certain ways and perform the rituals expected of a ruling class. In certain eras this may have been genuine belief, in others it became political theatre but in some it became outright deception. The Mongols and Qing elites inwardly retained their Inner Asian cultures while externally presenting themselves - at least to a portion of their subjects - as heirs to Sinitic traditions of rule. Where, then, was 'China'? In short, it only existed as a unified and defined country in the foreign imagination. Until the very end of the nineteenth century, rulers in Beijing would not even have recognised the name 'China'. More significantly, they would not have understood the meaning that was represented by foreigners' use of the word.

Western thinkers privileged their 'China' over other political formations in the

Mông Cổ, những lãnh thổ đó bị kiểm soát bởi các nước đối địch Tống, Hạ và Liêu. Những nước này choán nhiều phần lãnh thổ mà ngày nay chúng ta gọi là Trung Quốc và đến lượt chúng, chúng lại khác biệt với các nước mạnh mún tồn tại trước đó.

Mỗi nước khác nhau về phạm vi lãnh thổ và thành phần dân tộc nhưng mỗi nước cần thể hiện chính mình là nước kế thừa hợp pháp cho nước trước nó. Do đó, để giữ được lòng trung thành của quan lại, và dân chúng lớn hơn, mỗi tầng lớp lãnh đạo mới cần phải khẳng định tính kế tục với truyền thống. Để nhận được 'thiên mệnh' cần thiết, họ phải nói theo những cách nhất định và thực hiện các nghi lễ được mong đợi của một giai cấp thống trị. Trong một số thời đại, điều này có thể là niềm tin đích thực, trong những thời đại khác, nó trở thành sân khấu chính trị nhưng trong một số thời đại, nó lại trở thành sự lừa dối hoàn toàn. Người Mông Cổ và giới tinh hoa nhà Thanh với bên trong vẫn giữ văn hóa Nội Á của họ trong khi với bên ngoài thể hiện chính họ - ít nhất là đối với một bộ phận tôi thần của họ - như là những người thừa kế truyền thống cai trị Sinitic ([kiểu] Trung Hoa). Vậy thì 'China' ở đâu? Nói vắn tắt, nó chỉ tồn tại như một quốc gia thống nhất và xác định trong trí tưởng tượng của người nước ngoài. Cho đến cuối thế kỉ 19, những người cai trị ở Bắc Kinh thậm chí còn không công nhận cái tên 'China'. Đáng nói hơn, họ sẽ không hiểu được ý nghĩa được thể hiện qua cách sử dụng từ này của người nước ngoài.

Các nhà tư tưởng phương Tây đã ưu ái

region and promoted it, conceptually, above its hinterland. In their minds 'China' was the region's dynamic engine while Inner Asia only mattered when its horse-borne hordes streamed into China to rape and pillage. In European eyes, 'China' was a constant presence on the historical stage while Inner Asians were reduced to playing repeated 'ride-on' parts before retreating to the dustbin of history. Hence the 'Silk Road'. China was regarded as the driver of trade and Inner Asian states merely as the corridors through which it passed. In the late nineteenth and early twentieth centuries, this idea of a pre-eminent 'China' travelled from Europe to East and Southeast Asia and found a new home in the private discussions and public journals of Qing intellectuals. These were mainly people who had travelled abroad and were able to look back on their homeland from afar. From their place of exile or sojourn, they too began to imagine a place called 'China', just like the Westerners. In time they returned home and spread this new vision of a state - a defined piece of territory with a continuous history - among a population eager for new ideas to resolve a profound political crisis. Key to this evolution in thinking was a debate about the name of the country.

These days, Xi and his fellow Chinese leaders use two names for their country in general speech: *Zhongguo* and

cho 'China' của họ nhiều hơn các hình thái chính trị khác trong khu vực và quảng bá nó, về mặt khái niệm, hơn vùng nội địa của nó. Trong óc họ, 'China' là đầu tàu năng động của khu vực trong khi Nội Á chỉ quan trọng khi đám người trên lưng ngựa của vùng này tràn vào Trung Quốc cưỡng hiếp và cướp bóc. Trong mắt người châu Âu, 'China' hiện diện thường xuyên trên sàn diễn lịch sử trong khi người Nội Á bị thu gọn vào việc diễn những phần 'cưỡi ngựa' lặp đi lặp lại trước khi rút lui vào thùng rác của lịch sử. Do đó, 'Con đường tơ lụa' cũng vậy. Trung Quốc được coi là đầu tàu giao thương còn các nước Nội Á chỉ đơn thuần là hành lang mà nó đi qua. Vào cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20, ý tưởng về một 'China' ưu việt này đã du hành từ châu Âu sang Đông và Đông Nam Á và tìm thấy một chỗ ở mới trong các cuộc thảo luận riêng và trong các tạp chí công khai của giới trí thức nhà Thanh. Đó chủ yếu là những người đã đi ra nước ngoài và có thể ngoái nhìn về quê hương từ xa. Từ nơi lưu vong hay tạm trú, họ cũng bắt đầu hình dung ra một nơi được gọi là 'China', giống như người phương Tây. Vào lúc họ trở về quê hương và truyền bá cách nhìn mới này về một quốc gia - một mảnh lãnh thổ xác định với một lịch sử liên tục - trong một dân số háo hức tìm những ý tưởng mới để giải quyết một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc. Chìa khóa cho sự tiến triển trong lối suy nghĩ này là một cuộc tranh luận về cái tên của đất nước.

Ngày nay, TCB và các nhà lãnh đạo của Trung Quốc sử dụng hai cái tên cho đất nước họ trong phát biểu chung: *Zhongguo* (Trung Quốc) và *Zhonghua* (Trung Hoa). Trong từ nguyên của chúng,

Zhonghua. Within their etymology both names make claims to regional supremacy. Both are translated into English as 'China' but they carry particular meanings in Chinese. *Zhong guo* is literally the 'central state' of an idealised political hierarchy. *Zhong hua* is literally 'the central efflorescence', but its more figurative meaning is the 'centre of civilisation', an assertion of cultural superiority over the barbarians in the hinterland. These terms have deep historical roots but they were not used as formal names for the country until the very end of the nineteenth century. They only became its names because of the transformation of ideas about the country, under the influence of Western ideas of nations and states. During this process, the meaning of those names changed profoundly. This is the story of those names.

Along the coasts of Guangdong and Fujian the local merchants and literati welcomed Galeote Pereira. He sold them sandalwood and spices from the Indies at cheap prices and then paid twice the market rates for the food and supplies he took on board. A gentleman soldier from a noble family, with contacts at the highest levels of Portuguese society, Pereira was a good man to do business with. He personified the first wave of European exploration of East Asia: combining imperial interests with self-advancement and a bit of Catholic proselytising. In the decade since leaving home, Pereira had been a merchant in India, a mercenary in Siam and by 1548 was sailing between Malacca and points east trading the luxury goods of East and

cả hai cái tên đều khẳng định về quyền tối cao trong khu vực. Cả hai đều được dịch sang tiếng Anh là 'China' nhưng chúng mang những ý nghĩa đặc thù trong tiếng Trung. *Trung Quốc* theo nghĩa đen là 'nước trung tâm' của một hệ thống thứ bậc về chính trị được lý tưởng hóa. *Trung Hoa* theo nghĩa đen là 'sự nở hoa ở trung tâm', nhưng nghĩa bóng bẩy hơn của nó là 'trung tâm của nền văn minh', một sự khẳng định về ưu thế văn hóa so với những người man di ở nội địa. Hai từ này có nguồn gốc lịch sử sâu xa nhưng chỉ đến cuối thế kỉ 19 chúng mới được sử dụng làm tên gọi chính thức cho nước này. Chúng chỉ trở thành tên của nó do sự chuyển đổi ý tưởng về đất nước, dưới ảnh hưởng của các ý tưởng phương Tây về dân tộc (nation) và quốc gia (state). Trong quá trình này, ý nghĩa của hai cái tên đó đã thay đổi sâu sắc. Sau đây là câu chuyện về hai cái tên đó.

Dọc theo bờ biển Quảng Đông và Phúc Kiến, các thương nhân và trí thức địa phương đã chào đón Galeote Pereira. Ông bán cho họ gỗ đàn hương và gia vị của Indies với giá rẻ và sau đó trả gấp đôi giá thị trường cho lương thực và hàng hóa mà ông mang lên tàu. Một người lính lịch lãm xuất thân từ một gia đình quý tộc, có quan hệ với các tầng lớp cao nhất của xã hội Bồ Đào Nha, Pereira là một người tốt để giao dịch làm ăn. Ông tiêu biểu cho làn sóng đầu tiên người châu Âu thám hiểm Đông Á: kết hợp lợi ích đế quốc với tự tiến thân và một chút truyền đạo Công giáo. Trong thập kỉ kể từ khi rời quê hương, Pereira đã là một thương gia ở Ấn Độ, một lính đánh thuê ở Xiêm La và đến năm 1548 thì đi lại giữa Malacca và các điểm về phía đông buôn bán các mặt

Southeast Asia. The provincial governors and the Ming court in faraway Beijing hated Galeote Pereira. To them, he was a foreign smuggler, importing contraband in defiance of an edict specifically banning the <i>fo-lang-ji</i> - the 'Frankish' (a term borrowed from Arab merchants) Europeans - from trading. Two decades earlier, Portuguese ignorance of Ming diplomatic protocol, and their arrogance in the face of officialdom, had caused them to be banned from the country altogether. Now Pereira and the others were playing a cat-and-mouse game: trading with local merchants while hiding from central government among the thousands of islands that fringe the coast between the cities that they called Amoy and Liampo (modern-day Xiamen and Ningbo). On 19 March 1549, the cat caught the mouse. The viceroy of Fujian and Zhejiang, an apparently honest man called Zhu Wan, had ordered his provincial coastguard to destroy the smuggling trade. They caught Pereira, and the two ships under his command, hiding in the quiet anchorage of Zoumaxi - 'Running Horse Creek', somewhere near Xiamen. They hauled the crews off to jail in the provincial capital, Fuzhou. There, on Zhu Wan's orders, ninety-six of them, mainly local vagabonds, were executed. But Zhu Wan's diligent enforcement of the law had alienated all those local worthies	hàng xa xỉ của Đông và Đông Nam Á. Tổng đốc các tỉnh và triều đình nhà Minh ở Bắc Kinh xa xôi rất ghét Galeote Pereira. Đối với họ, ông là một tay buôn lậu nước ngoài, nhập hàng lậu bất chấp lệnh cấm dành riêng cho người <i>fo-lang-ji</i> (佛郎机; <i>phật-lang-cơ</i>)- 'Frankish' (một từ vay mượn các thương gia Ả Rập) người châu Âu - không được buôn bán. Hai thập kỉ trước, sự thiếu hiểu biết của người Bồ Đào Nha về nghi thức ngoại giao của nhà Minh, và sự kiêu ngạo của họ khi đối mặt với chính quyền, đã khiến họ bị cấm trên cả nước. Giờ đây Pereira và những người khác đang chơi trò chơi mèo vờn chuột: buôn bán với các thương nhân địa phương trong khi trốn lánh chính quyền trung ương giữa hàng ngàn hòn đảo bao quanh bờ biển giữa các thành phố mà họ gọi là Amoy và Liampo (Hạ Môn và Ninh Ba ngày nay). Ngày 19 tháng 3 năm 1549, mèo đã bắt được chuột. Tổng đốc Phúc Kiến và Chiết Giang, một người có vẻ trung thực tên là Zhu Wan (朱纨: Chu Hoàn), đã ra lệnh cho lực lượng tuần duyên tỉnh mình triệt phá buôn lậu. Họ bắt được Pereira, và hai tàu dưới sự chỉ huy của ông ta, đang ẩn náu trong khu neo đậu yên tĩnh của Zoumaxi (走馬溪: Tẩu Mã Khê)- 'lạch Tẩu Mã', ở đâu đó gần Hạ Môn. Họ chở hết nhân viên trên tàu đến nhà tù ở tỉnh lỵ Phúc Châu. Tại đó, theo lệnh của Chu Hoàn, 96 người trong số họ, chủ yếu là những kẻ lang thang địa phương, đã bị hành quyết. Nhưng sự tận tụy thực thi luật pháp của
---	---

- the 'robe and cap class' - who enjoyed the fruits of the smuggling trade. To safeguard their supplies of contraband, they conspired with their associates at the imperial court to impeach Zhu for overstepping his authority: the executions should not have been carried out without formal approval from Beijing. As a result, the charges against the Portuguese were dropped and Zhu was convicted of embezzlement. Pereira and his surviving shipmates were given lenient sentences while Zhu took his own life.

Pereira probably spent two or three years in various forms of custody but in conditions that became increasingly relaxed and comfortable. Eventually he was able to bribe his way to liberty. We know that he was free by 27 February 1553 because he attended the exhumation of Francis Xavier - one of the founders of the Society of Jesus - on the island of Shangchuan, just down the coast from modern Hong Kong. This was a tiny Portuguese settlement - a toehold for both proselytising and smuggling - that the local elite tolerated and tried to keep secret from the court in Beijing. Xavier believed there was great potential for his Jesuit order in the East and he doesn't appear to have had any qualms about working with those whose motives were more financial than spiritual as both wings of Portuguese imperialism strived to increase their market share.

Chu Hoàn đã khiến tất cả những người có địa vị ở địa phương - 'tầng lớp áo mão' - những người được hưởng thành quả của việc buôn lậu, xa lánh. Để bảo đảm nguồn cung cấp hàng lậu của mình, họ đã âm mưu với những người có quan hệ tại triều đình để luận tội Chu Hoàn vì đã vượt quá quyền hạn của mình: các vụ hành quyết đáng lẽ không nên được thực hiện nếu không có sự chấp thuận chính thức của Bắc Kinh. Kết quả là, các cáo buộc chống lại người Bồ Đào Nha đã được bãi bỏ và Chu Hoàn bị kết tội tham ô. Pereira và những bạn cùng tàu còn sống sót đã được tuyên các bản án nhẹ trong khi Chu Hoàn tự tử.

Pereira có lẽ đã trải qua hai hoặc ba năm dưới nhiều hình thức giam giữ nhưng trong điều kiện ngày càng trở nên thoải mái và dễ chịu. Rốt cuộc là ông ta đã có thể mua chuộc theo cách của mình để được tự do. Chúng ta biết rằng ông đã được tự do vào ngày 27 tháng 2 năm 1553 do ông có tham dự lễ cải táng của Francis Xavier - một trong những người sáng lập Hiệp hội Chúa Giê-su - trên đảo Thượng Xuyên, ngay dưới bờ biển Hong Kong ngày nay. Đây là một khu định cư nhỏ của người Bồ Đào Nha - chỗ đặt chân cho cả việc truyền đạo và buôn lậu - mà giới thượng lưu địa phương đã dung túng và cố giữ bí mật với triều đình ở Bắc Kinh. Xavier tin rằng có tiềm năng to lớn cho nhóm truyền giáo Dòng Tên của mình ở phương Đông vì dường như ông không có chút e ngại nào khi làm việc với những người có động cơ tài chính hơn là tinh thần vì cả hai cánh của chủ nghĩa đế quốc Bồ Đào Nha đều cố gắng tăng thị phần của họ.

Once Pereira was back with his countrymen he wrote what became one of the first accounts of life under the Ming Dynasty to reach European audiences. His descriptions, unsurprisingly, focused on prison and punishment and included criticism of idolatry and sodomy ('the greatest fault we find among them'). Nonetheless, he had high praise for the quality of the roads and bridges he had travelled over, for the hygienic chopsticks and for the large and sophisticated estates of the rich. However, he puzzled over one detail that appeared curious to Europeans who had set sail in search of the mysterious country that they called 'China'.

We are wont to call this country China, and the people Chins; but as long as we were prisoners, not hearing amongst them at any time that name, I determined to learn how they were called... I answered them that all the inhabitants of India called them Chins... Then I did ask them what name the whole country beareth... It was told me that of ancient time in this country had been many kings, and though presently it were all under one [king], each kingdom nevertheless enjoyed that name it first had: these kingdoms are the provinces... In conclusion they said, that the whole country is called Tamen and the inhabitants Tamenjins so that their name China or Chins is not heard of in that country.³

Khi Pereira trở về với đồng hương của mình, ông đã viết điều trở thành một trong những câu chuyện đầu tiên về cuộc sống dưới triều Minh vươn tới công chúng châu Âu. Các mô tả của ông, không ngạc nhiên, tập trung vào nhà tù và hình phạt, đồng thời bao gồm những lời chỉ trích về việc thờ ngẫu tượng và thói hủ lậu ('lỗi lớn nhất mà chúng tôi thấy trong số đó'). Tuy nhiên, ông đã rất khen ngợi về chất lượng cầu đường mà ông có đi qua, về những chiếc đũa hợp vệ sinh và về những khu nhà lớn và xa hoa của những người giàu có. Tuy nhiên, ông đã làm rối mắt về một chi tiết có vẻ gây tò mò cho những người châu Âu từng đi thuyền tìm kiếm đất nước bí ẩn mà họ gọi là 'China'.

Chúng ta quen gọi đất nước này là China, và những người dân là Chin; nhưng chừng nào ta còn ở trong tù, không nghe họ nói với nhau cái tên đó bất cứ lúc nào, tôi quyết tâm tìm hiểu xem họ được gọi như thế nào... Tôi đã trả lời cho họ rằng tất cả cư dân Ấn Độ đều gọi họ là người Chin... Sau đó tôi hỏi họ cả đất nước này có tên là gì... Tôi được cho biết rằng vào thời cổ xưa trên đất nước này có nhiều vị vua, và mặc dù hiện nay tất cả đều dưới quyền một [vua], tuy nhiên mỗi vương quốc vẫn thích cái tên nó có lần đầu tiên: những vương quốc là các tỉnh... Kết luận, họ nói rằng cả đất nước được gọi là *Tamen* (Đại Minh) và cư dân là *Tamenjin* (Đại Minh nhân) vì vậy cái tên China hoặc Chin không được nghe nói đến ở

In other words, the Chinese didn't call themselves Chinese, nor their country 'China'. Instead they referred to it as Tamen - or, as we might write it today, Da Ming, which translates as 'Great Ming'. They called themselves Tamenjins - or Da Ming Ren, people of the Great Ming'. The people Pereira encountered do not appear to have identified themselves as belonging to an ethnic group nor to a piece of territory but only as subjects of a ruling dynasty. The only place names they referred to were the towns and provinces in which they lived, not the country to which Pereira assumed they all belonged.

Within a few decades, by the end of the sixteenth century, Portuguese traders and preachers were faring better than Pereira had done. They had swapped the toehold of Shangchuan for a slightly larger one on Macao and Francis Xavier's missionary hopes had borne fruit. Jesuits were now welcomed in the imperial court. Rather than being imprisoned, the priest-scientist Matteo Ricci became the first European to enter the Forbidden City in Beijing. Officials were fascinated by his ability to predict eclipses and the movement of planets and, although the emperor declined to meet him, Ricci was treated as an honoured guest, awarded land upon which to build a church and became an unofficial adviser to the court.

Ricci too was initially intrigued by the same issue as Pereira - the lack of a national name, but after several years living in the country, he noted in his journal that, 'It does not appear strange to

đất nước đó.³

Nói cách khác, người Trung Quốc không tự gọi mình là Chinese (người Trung Quốc), cũng không gọi đất nước của họ là 'China'. Thay vì vậy, họ gọi là *Tamen* - hoặc, như chúng ta có thể viết ngày nay, *Da Ming*, dịch là 'Đại Minh'. Họ tự gọi mình là *Tamenjin* - hay *Da Ming Ren* (Đại Minh nhân), 'người Đại Minh'. Những người mà Pereira gặp có vẻ không xác định mình thuộc một nhóm chủng tộc hay một lãnh thổ nào mà chỉ là thần dân của một triều đại cai trị. Địa danh duy nhất mà họ đề cập đến là thị trấn và tỉnh mà họ sống, không phải tên cái đất nước mà Pereira cho rằng tất cả họ đều thuộc về.

Trong vòng vài thập kỉ, vào cuối thế kỉ 16, các thương nhân và giáo sĩ Bồ Đào Nha đã biết thích ứng tốt hơn Pereira. Họ đã đổi trấn Thượng Xuyên lấy một trấn lớn hơn một chút ở Macao và phái đoàn truyền giáo Francis Xavier hi vọng đạt kết cục tốt. Các tu sĩ Dòng Tên bây giờ được chào đón ở triều đình. Thay vì bị giam cầm, nhà khoa học linh mục Matteo Ricci đã trở thành người châu Âu đầu tiên bước vào Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh. Các quan chức bị cuốn hút bởi khả năng dự đoán nhật thực và chuyển động của các hành tinh, mặc dù hoàng đế không chấp nhận gặp ông, Ricci được coi như một vị khách danh dự, được ban cấp đất để xây nhà thờ và trở thành một cố vấn không chính thức cho triều đình.

Ricci ban đầu cũng bị hấp dẫn bởi vấn đề tương tự như Pereira - việc thiếu tên nước, nhưng sau vài năm sống ở đất

us that the Chinese should never have heard of the variety of names given to their country by outsiders and that they should be entirely unaware of their existence.... It is a custom of immemorial age in this country, that as often as the right to govern passes from one family to another, the country must be given a new name by the sovereign whose rule is about to begin.' Compared to their own Europe of emerging nation-states, Pereira and Ricci had discovered a very different way of describing political allegiances. 'The people of the Great Ming' were subjects of a ruling dynasty. There was no sense of living in 'China' or being part of a 'Chinese' nation.

But Ricci also noted that 'among the Chinese themselves... besides the name assumed with the coming of the new sovereign, the country also has a title which has come down through the ages and sometimes other names are joined to this title. Today we usually call this country *Ciumquo* or *Ciumhoa*, the first word signifying kingdom, and the second, garden. When put together, the words are translated, "To be at the centre". In the modern era we transliterate *Ciumquo* as *zhong guo* and *Ciumhoa* as *zhong hua*. But Ricci understood that *zhong guo* was not really the name of the country but a statement of political hierarchy. 'The Chinese... imagine that the world is flat and that China is situated in the middle.... The few kingdoms contiguous to their state... were, in their estimation, hardly worthy of consideration.'⁴ These terms are still with us. *Zhonghua* and *Zhongguo* are almost interchangeable in the same way that the terms 'United Kingdom' and 'Britain' or 'United States' and 'America'

nước này, ông đã lưu ý trong nhật kí rằng, 'Không có gì lạ đối với chúng tôi rằng người Trung Quốc sẽ chẳng bao giờ có nghe nói về nhiều loại tên gọi mà người ngoài đặt cho đất nước của họ và họ hoàn toàn không biết về sự tồn tại của chúng.... Chính một thói quen từ xa xưa ở đất nước này mà quyền cai trị thường được truyền từ một dòng họ này sang dòng họ khác, đất nước phải được đặt một cái tên mới theo vị vua sắp bắt đầu cai trị.' So với châu Âu của chính họ gồm các quốc gia-dân tộc mới xuất hiện, Pereira và Ricci đã khám phá ra một cách rất khác để mô tả về lòng trung thành chính trị. 'Dân Đại Minh' là thần dân của một triều vua. Không có ý thức về việc sống ở 'China' hay là một phần của dân tộc 'Chinese'.

Nhưng Ricci cũng lưu ý rằng 'trong chính người Trung Quốc... ngoài cái tên sẽ được gọi khi có vua mới, đất nước này còn có một danh hiệu đã có từ lâu đời và đôi khi có những tên khác được ghép vào danh hiệu này. Ngày nay chúng ta thường gọi đất nước này là *Ciumquo* hoặc *Ciumhoa*, từ đầu tiên có nghĩa là vương quốc, và từ thứ hai nghĩa là khu vườn. Khi ghép lại với nhau, hai từ này được dịch là "Ở trung tâm". 'Trong thời hiện đại, chúng ta phiên âm *Ciumquo* là *zhong guo* (trung quốc) và *Ciumhoa* là *zhong hua* (trung hoa). Nhưng Ricci hiểu rằng *trung quốc* không thật sự là tên của đất nước mà là một tuyên bố về thứ bậc chính trị. 'Người Trung Quốc... tưởng tượng rằng thế giới là phẳng và Trung Quốc nằm ở giữa.... Một số vương quốc tiếp giáp với nước của họ ... hầu như không đáng được xét tới, theo đánh giá của họ,'⁴ Những từ này vẫn còn với chúng ta. *Trung Quốc* và *Trung Hoa* là

are official and unofficial ways of referring to the same place.

The phrase '*zhong guo*' has a long lineage: it has been found inscribed on 'oracle bones' discovered in modern-day Henan province and dating back to the Shang Dynasty (1600-1000 BCE). A few centuries later, during what is known as the 'Eastern Zhou' period - approximately 2,500 years ago (770-221 BCE) - *zhong guo* referred to the feudal states in the '*zhongyuan*', the central plains in the Yellow River basin, west and south of Beijing. They were, collectively, the 'central states' - the *zhong guo*. But Richard J. Smith, among the foremost experts on Chinese map-making, notes that in this period the phrase actually had three interconnected meanings: as a place, as a culture and as a political system.⁵ The fifth-century BCE text 'Strategies of the Warring States' (Zhang Guo Ce) notes that:

Zhong guo is where the intelligent and discerning people dwell, where the myriad creatures and useful implements are gathered together, where the sages and worthies instruct, where benevolence and right behaviour are expressed, where the books of Poetry, History, Ritual and Music are used, where different ideas and techniques are tried, where

hầu như có thể thay thế cho nhau theo cùng cách như các từ 'United Kingdom' (Vương quốc Anh) và 'Britain' (Anh) hoặc 'United States' (Hoa Kỳ) và 'America' (Mỹ) là những cách chính thức và không chính thức nói về cùng một chỗ.

Cụm từ '*trung quốc*' (中國: nước ở giữa) có nguồn gốc lâu đời: nó được tìm thấy khắc trên 'xương thần' được phát hiện ở tỉnh Hà Nam ngày nay và có từ thời nhà Thương (1600-1000 TCN). Một vài thế kỷ sau đó, trong giai đoạn được gọi là 'thời Đông Chu' - khoảng 2 500 năm trước (770-221 TCN) - *trung quốc* được dùng để chỉ các nước phong kiến ở '*trung nguyên*', vùng đồng bằng trung tâm ở lưu vực sông Hoàng Hà, phía tây và phía nam của Bắc Kinh. Gộp chung, chúng là 'các nước trung tâm' - *trung quốc*. Nhưng Richard J. Smith, một trong những chuyên gia hàng đầu về ngành vẽ bản đồ Trung Quốc, lưu ý rằng trong thời kỳ đó, cụm từ này thực ra có ba nghĩa liên kết với nhau: như một địa điểm, như một nền văn hóa và như một hệ thống chính trị.⁵ Cuốn sách thế kỷ thứ 5 TCN 'Sách lược của các nước đánh nhau' (*Chiến quốc sách*) ghi nhận rằng:

Trung quốc là nơi mà những người thông minh và sáng suốt trú ngụ, nơi mà vô số sinh vật và dụng cụ hữu ích tụ họp, nơi mà các nhà hiền triết và thánh hiền chỉ dạy, nơi mà lòng nhân từ và cách cư xử đúng đắn được thể hiện ra, nơi mà các sách Thi, Sử, Lễ và Nhạc được sử dụng, nơi mà những ý tưởng và nhiều kỹ thuật khác nhau được thử nghiệm, nơi mà những

distant people come to observe, and where even the (non-Chinese) Man and Yi people exhibit appropriate conduct. In other words, <i>zhong guo</i> was a place with a particular culture that these days we might call 'Chinese' or, more precisely, 'Sinitic'. Seventeen centuries later, twelfth-century writers under the Song Dynasty used <i>zhong guo</i> to assert an identity in the face of threats from invaders from Inner Asia. It was both a physical place, the old heartland, and a cultural memory. The Song saw themselves as keepers of the <i>zhong guo</i> even after they had lost control of the actual territory of the central plains to the Mongols. Importantly, however, they didn't call their state <i>Zhong Guo</i>. They called it <i>Da Song Guo</i> - the Song Great-State - after themselves. Two centuries later, when Zhu Yuanzhang, founder of the Ming Dynasty, announced himself as the ruler who defeated the Mongols, he declared, 'I am now ruler of the <i>zhong guo</i> and all under heaven are at peace.' But he didn't call his country <i>Zhong Guo</i>, either. Again, he named it after his dynasty: '<i>Da Ming Guo</i>' - the Ming Great-State. The fact that '<i>zhong guo</i>' was used in the distant past and is a name for China today has led nationalistic historians to claim that '<i>Zhongguo</i>' has been a continuous state across three, or even	người ở xa đến quan sát, và nơi mà ngay cả bọn Man Di (không phải người Trung Quốc) cũng thể hiện cách ứng xử thích đáng. Nói cách khác, <i>trung quốc</i> là một nơi có nền văn hóa đặc biệt mà ngày nay chúng ta có thể gọi là '[có tính] Trung Quốc' hay chính xác hơn là 'Sinitic'. 17 thế kỉ sau, các tác giả thế kỉ 12 dưới triều nhà Tống đã sử dụng từ <i>trung quốc</i> để khẳng định bản sắc khi đối mặt với những mối đe dọa từ những kẻ xâm lược Nội Á. Nó vừa là một địa điểm hiện thực, một trung tâm cũ, vừa là một kí ức văn hóa. Nhà Tống tự coi mình là người trấn giữ <i>trung quốc</i> ngay cả sau khi họ đã mất quyền kiểm soát lãnh thổ thực tế của trung nguyên vào tay người Mông Cổ. Tuy nhiên, điều quan trọng là họ không gọi nước của họ là <i>Trung Quốc</i>. Họ gọi nó là <i>Đại Tống Quốc</i> - nước Đại Tống¹ - theo chính triều đại họ. Hai thế kỉ sau, khi Chu Nguyên Chương, sáng lập ra nhà Minh, tự xưng là vua đã đánh bại quân Mông Cổ, ông tuyên bố: 'Trẫm hiện là vua của <i>trung quốc</i> và cả thiên hạ đều được thái bình.' Nhưng ông cũng không gọi đất nước của mình là '<i>Trung Quốc</i>'. Cũng vậy, ông gọi nó theo triều đại của mình: '<i>Đại Minh Quốc</i>' - nước Đại Minh. Sự kiện cụm từ '<i>trung quốc</i>' đã được sử dụng trong quá khứ xa xôi và là cái tên cho Trung Quốc ngày nay đã khiến các nhà sử học theo chủ nghĩa dân tộc khẳng định rằng '<i>Trung Quốc</i>' đã là một quốc gia
--	--

¹ Tác giả dịch là 'the Tong Great-State', chuyển sang tiếng Việt là 'Đại quốc Tống' hay 'nước lớn Tống'

five, millennia. A wiser look at the evidence shows that this is not the case. The words took long journeys over space and through time before coming to mean what they do today. Peter Bol, professor of Chinese language at Harvard University, argues that the consistent element through the intermittent uses of the term spread over 3,000 years was not to name a particular state but to maintain a sense of cultural difference between those within the *zhong guo* and those outside it: the barbarians, or *Yi di*. *Zhong guo* was not intended to be the name of a country but a claim to legitimacy. Some writers have translated the phrase as 'middle kingdom' but that makes it sound too much like a home for hobbits. A much better translation is 'central state' or even 'centre-of-the-world' since it is really a description of a political hierarchy between 'us' on the inside and 'them' on the outside.

As we shall see, the terms '*zhong guo*' and '*zhong hua*' were revived in the late nineteenth century by modern nationalists and given new meanings. These ideologues constructed a new vision of the past that linked together disparate episodes to construct a history in which Zhongguo appeared to be a permanent presence. The story is more complicated and interesting than that and it reveals much about why China is the way it is today.

liên tục trong suốt 3, thậm chí 5 thiên niên kỉ. Một cái nhìn khôn ngoan hơn về các bằng chứng cho thấy không đúng như vậy. Những từ này đã trải qua những chuyến du hành dài trong không gian và qua thời gian trước khi có nghĩa như chúng có ngày nay. Peter Bol, giáo sư tiếng Trung tại Đại học Harvard, lập luận rằng yếu tố nhất quán thông qua việc sử dụng ngắt quãng của từ này trải dài hơn 3 000 năm không phải để gọi tên cho một nước cụ thể mà là để duy trì ý thức khác biệt về văn hóa giữa những người bên trong *trung quốc* và những bên ngoài nó: người Man Di.⁶ *Trung Quốc* không có ý định được dùng để làm tên của một quốc gia mà là một khẳng định về tính chính đáng. Một số tác giả đã dịch cụm từ này là 'vương quốc ở giữa' nhưng điều đó khiến nó nghe giống như ngôi nhà cho người sống trong hang. Cách dịch tốt hơn nhiều là 'nước trung tâm' hoặc thậm chí 'trung tâm thế giới' vì nó thực sự là một mô tả về hệ thống thứ bậc chính trị giữa 'chúng ta' ở bên trong và 'bọn chúng' ở bên ngoài.

Như chúng ta sẽ thấy, các từ '*trung quốc*' và '*trung hoa*' đã được những người theo chủ nghĩa dân tộc hiện đại hồi sinh và cho nó ý nghĩa mới vào cuối thế kỉ 19. Những nhà tư tưởng này đã xây dựng một cách nhìn mới về quá khứ liên kết các giai đoạn khác hẳn nhau lại với nhau để xây dựng một lịch sử trong đó *Trung Quốc* dường như có một sự hiện diện thường trực. Câu chuyện phức tạp và thú vị hơn thế và nó tiết lộ nhiều điều về lí do tại sao Trung Quốc lại theo cách như nó là ngày nay.

Where then does the English name 'China' come from? The most common explanation for the name of China' is that it is derived from the ancient dynasty of Qin (pronounced 'chin'), which formed as a small fiefdom in what is now Gansu province in the northwest of modern China. The Qin Dynasty originally took its name from a small piece of land granted to it in 987 BCE.⁷ For six centuries, the Qin led one among several 'warring states' located in the lands along the Yellow River and its tributaries. The dynasty gradually expanded the area under its rule but was never dominant until King Zheng finally managed to conquer the last of his rivals in 221 BCE.

As a new type of ruler, with a domain occupying (albeit briefly) the central plains and the lower reaches of both the Yellow River and the Yangtze, Zheng chose a new title: Shihuangdi, or 'first emperor'. In search of immortality he built a tomb near what is now the city of Xi'an and surrounded it with an army of terracotta warriors. But the Qin Dynasty lasted a little longer than Zheng himself. Within four years of his death, his successors were overthrown by a former Qin official turned rebel leader, Liu Bang, who seized the throne, created his own dynasty and named it the *Han*. In retrospect, the Qin have been seen as the first rulers to unify the core territory of modern China. But while it might sound like an easy leap from 'Qin' to 'China', there's no evidence that the dynastic name Qin was ever actually used as the

Thế thì cái tên tiếng Anh 'China' bắt nguồn từ đâu? Cách giải thích phổ biến nhất cho cái tên 'China' là nó có nguồn gốc từ triều Qin (Tần) cổ xưa (phát âm là 'chin') vốn được hình thành như một thái ấp nhỏ ở nơi hiện nay là tỉnh Cam Túc, ở phía tây bắc của Trung Quốc hiện đại. Nhà Tần ban đầu lấy tên mình từ một vùng đất nhỏ được ban cho vào năm 987 TCN.⁷ Trong 6 thế kỉ, nhà Tần cai quản một trong số các 'chiến quốc' nằm trên các vùng đất dọc theo sông Hoàng Hà và các phụ lưu của nó. Vương triều dần dần mở rộng khu vực dưới sự cai trị của mình nhưng chưa bao giờ ở vị thế thống trị cho đến khi vua Zheng (Chính) cuối cùng đã chinh phục được đối thủ cuối cùng vào năm 221 TCN.

Là một kiểu người cai trị mới, với lãnh thổ chiếm trọn (dù trong thời gian ngắn) vùng trung nguyên và vùng hạ lưu của cả hai sông Hoàng Hà và Dương Tử, Vua Chính đã chọn một tên hiệu mới: Thủy Hoàng Đế, hay 'hoàng đế khởi đầu'. Muốn được bất tử, ông đã xây một lăng mộ gần nơi mà ngày nay là thành phố Tây An và bao quanh là một đội quân các chiến binh đất nung. Nhưng nhà Tần tồn tại lâu hơn bản thân vua Chính một chút. Trong vòng 4 năm sau khi ông qua đời, những người kế vị của ông đã bị Lưu Bang, một quan cũ của nhà Tần trở thành thủ lĩnh nổi dậy, lật đổ, ông này đã chiếm lấy ngai vàng, tạo ra triều đại của riêng mình và gọi nó là nhà *Hán*. Khi nhìn lại, nhà Tần đã được coi là triều đại cai trị đầu tiên thống nhất lãnh thổ cốt lõi của Trung Quốc hiện đại. Nhưng mặc dù nghe có vẻ như một bước nhảy dễ dàng từ 'Qin' sang 'China', không có bằng chứng nào cho thấy cái tên triều đại Tần đã từng thực sự được sử dụng làm tên của lãnh thổ. Trên thực tế, có

name of the territory. In fact there's significant evidence to the contrary.

The Indian professor of Chinese studies Haraprasad Ray has argued that there are mentions of a place called 'Cina' in Sanskrit manuscripts that date from before the time of the Qin state. The *Vayupurana*, thought to have been written in the fifth to the fourth century BCE, mentions people from 'Cina'. The *Matsyapurana*, composed from the fourth century BCE, asserts, for example, that these 'Cina' people are not suitable to perform the rituals associated with death and burial. 'Cina' also appears in the two great Hindu epics, the *Mahabharata* and *Ramayana*, composed during and after the fourth and third centuries BCE respectively. A fourth-century BCE political treatise, the *Arthasastra*, mentions 'Cina' and the *Susruta*, a fourth-century BCE medical guide, describes 'China cloth' - *Cinapatta* - as useful for bandaging. In Sanskrit texts, therefore, 'Cina', referring to a place in or just over the Himalayas, seems to predate the Qin.

Ray was following the work of the Chinese scholar Su Zhongxiang, who assembled huge amounts of evidence to argue the same point. Su argues that, strange as it may seem to English speakers, the correct source of the name 'Cina' is the much earlier state of Jing', also known as Chu in Chinese texts. Pronunciations have shifted over the centuries and the phonetic connection between Jing' and 'Cina' that now appears somewhat distant would once have been much closer. The Jing'/Chu heartland lay in what is now Hubei

bằng chứng đáng kể cho điều ngược lại.

Giáo sư người Ấn Độ về Trung Quốc học Haraprasad Ray đã lập luận rằng trong các bản viết tay tiếng Phạn có từ trước thời nhà Tần có một số chỗ đề cập đến một nơi gọi là 'Cina'. Sách *Vayupurana*, được cho là đã được viết vào thế kỉ 5 đến thế kỉ 4 TCN, có nói tới những người từ 'Cina' đến. Sách *Matsyapurana*, được soạn từ thế kỉ 4 TCN, chẳng hạn, khẳng định rằng những người 'Cina' này không phù hợp để thực hiện các nghi lễ liên quan đến cái chết và chôn cất. 'Cina' cũng xuất hiện trong hai bộ sử thi lớn của người Hindu, *Mahabharata* và *Ramayana*, được viết lần lượt vào thế kỉ 4 và sau 3 TCN. Một chuyên luận chính trị thế kỉ 4 TCN, *Arthasastra*, có nêu 'Cina' và *Susruta*, một hướng dẫn y tế thế kỉ 4 TCN, mô tả 'vải Trung Quốc' - *Cinapatta* - là có ích cho việc băng bó. Do đó, trong sách vở tiếng Phạn, 'Cina', dùng để chỉ một nơi trong hoặc ngay bên ngoài dãy Himalaya, dường như có trước thời nhà Tần.

Ray đã theo dõi công trình nghiên cứu của học giả Trung Quốc Su Zhongxiang (蘇仲翔: Tô Trọng Tường), ông này đã thu thập một lượng lớn bằng chứng để lập luận cho cùng luận điểm này. Tường lập luận rằng, có vẻ lạ lùng đối với những người nói tiếng Anh, nguồn gốc chính xác của cái tên 'Cina' là nước 'Jing' (Kinh) xưa hơn nhiều, còn được gọi là Chu (Sở) trong sách vở tiếng Trung. Cách phát âm đã thay đổi qua nhiều thế kỉ và mối liên hệ ngữ âm giữa 'Jing' và 'Cina' bây giờ có vẻ hơi xa cách dù đã từng gần gũi hơn nhiều. Vùng đất trung tâm Kinh/Sở nằm ở

province and was associated with the Miao people, an ethnic group that would be described as 'barbarian' outsiders (Yi) by historians writing in the later Han period.⁸

The Australian scholar Geoff Wade has argued that a slightly different linguistic switch might source 'Cina' to another ethnic group. A mountain people in the southwestern Chinese province of Yunnan are known today in Chinese as the 'Yelang'. However, they have a collection of epic poems dating back to the fifth century BCE in which they describe themselves as the 'Zhina'. Wade notes that this is an almost perfect phonetic match for the Sanskrit 'Cina'. This group's traditional domain in what is now Yunnan province gave them control of the overland trading routes between what are now China and India. Goods that arrived in India from over the eastern mountains through this region would have been naturally described as coming from 'Cina'.

There is evidence for both of these theories but no firm conclusion has yet been reached. If either is true, the irony would be that the word most Westerners now use for China is ultimately derived from places that were outside what is commonly regarded as the traditional Chinese heartland - outside the '*zhong guo*'. Going a step further, the majority cultures in these places at the time were not ethnically 'Chinese' as that word is currently defined. The *Jing/Chu* state was linked to the Miao minority and the Yelang Zhina state with the Li people. 'Cina' may

nơi ngày nay là tỉnh Hồ Bắc và có liên hệ với người Miêu, một tộc người mà các nhà sử học thời Hậu Hán mô tả là bọn phiên 'man rợ' bên ngoài (*Di*).⁸

Học giả người Úc Geoff Wade đã lập luận rằng khi du di chút ít về ngôn ngữ có thể chuyển nguồn gốc của từ 'Cina' qua một nhóm chủng tộc khác. Một tộc người miền núi ở tỉnh Vân Nam, Tây Nam Trung Quốc ngày nay được biết đến với cái tên 'Yelang' (*Dạ Lang*). Tuy nhiên, họ lại có một bộ sưu tập các bài sử thi có từ thế kỉ 5 TCN, trong đó họ tự miêu tả mình là 'Zhina'. Wade lưu ý rằng đây là một từ ăn khớp gần như hoàn hảo về ngữ âm với từ 'Cina' trong tiếng Phạn. Khu vực truyền thống của nhóm này ở nơi mà ngày nay là tỉnh Vân Nam cho họ nắm quyền kiểm soát các tuyến đường thương mại trên bộ giữa những nơi mà bây giờ Trung Quốc và Ấn Độ. Hàng hóa từ những vùng núi phía đông đi xuyên qua khu vực này đến Ấn Độ sẽ được mô tả một cách tự nhiên là từ 'Cina' đến.

Có bằng chứng cho cả hai thuyết này nhưng vẫn chưa đi tới kết luận chắc chắn. Nếu một trong hai thuyết này là đúng thì điều trớ trêu là cái từ mà hầu hết người phương Tây hiện nay sử dụng để chỉ Trung Quốc cuối cùng lại có nguồn gốc từ những địa điểm nằm bên ngoài nơi thường được coi là vùng đất trung tâm truyền thống của Trung Quốc - bên ngoài '*trung quốc*'. Tiến thêm một bước nữa, các nền văn hóa của tộc đa số ở những nơi này vào thời điểm đó không mang 'tính Trung Quốc' về mặt chủng tộc như từ này được định nghĩa hiện nay. Nước *Kinh/Sở* liên kết với tộc Miêu thiểu

not even have been within the 'zhong guo' at all! But whichever explanation we prefer, what is clear is that no 'Chinese' state used the word 'China' to describe its territory before the twentieth century. It was only ever a name used by outsiders.

But, however it emerged, the name 'China' travelled far: by the second century CE, the Greco-Roman geographer Ptolemy was mentioning Sinae and Thinae in his writings, even if he was unsure of their exact locations. In what is, in effect, a metaphor for this entire book, the name China acquired a meaning outside China that it had never had within it. In Europe, it became the name of a mythical place: a source of silk and wonder. Europeans imagined a place called 'China' without ever knowing what it was. They also heard about another place in the east - Cathay, also a source of silk and wonder but apparently further to the north. 'Cathay' is derived from the name 'Khitan', the Inner Asian people who established the tenth- to twelfth-century Liao state in what is now northern China, Mongolia and eastern Russia. 'Cathay' was reached by land, whereas 'China' was reached by sea, but they were, in effect, rival names for the same 'East Asian Heartland'.

From the 1500s onwards, China/Cathay

số và nước *Yelang/Zhina* thì với người Li (Lê). 'Cina' thậm chí có thể hoàn toàn không nằm bên trong '*trung quốc*' chút nào! Nhưng dù chúng ta thích cách giải thích nào hơn, điều rõ ràng là không có nước 'Trung Quốc' nào sử dụng từ 'China' để mô tả lãnh thổ của mình trước thế kỉ 20. Lúc nào nó cũng chỉ là một cái tên do người bên ngoài sử dụng.

Nhưng, tuy nhiên nó đã nổi lên, cái tên 'China' đã đi xa: vào thế kỉ 2 CN, nhà địa lí Hi-La Ptolemy đã nói tới Sinae và Thinae trong các tác phẩm của mình, ngay cả khi ông không chắc về vị trí chính xác của chúng. Thật ra, trong cái vốn là cách ví von cho toàn bộ cuốn sách này, cái tên Trung Quốc thu được ở bên ngoài một ý nghĩa mà nó chưa từng có bên trong TQ. Ở châu Âu, nó trở thành tên của một địa điểm thần thoại: một nguồn cung cấp tơ lụa và điều kì diệu. Người châu Âu tưởng tượng ra một nơi được gọi là 'China' mà chưa từng biết nó là gì. Họ cũng nghe nói về một nơi khác ở phía đông - Cathay, cũng là một nguồn cung cấp tơ lụa và điều kì diệu nhưng dường như xa hơn về phía bắc. 'Cathay' có nguồn gốc từ cái tên '*Khitan*' (Khuyết Đan), người Nội Á thành lập nước Liêu từ thế kỉ 10 đến thế kỉ 12 ở nơi mà ngày nay là miền bắc Trung Quốc, Mông Cổ và miền đông nước Nga. 'Cathay' có thể tới được bằng đường bộ, trong khi 'China' tới được bằng đường biển, nhưng trên thực tế, cả hai lại những cái tên cạnh tranh nhau cho cùng 'vùng đất trung tâm của Đông Á'.

Từ những năm 1500 trở đi, China/Cathay trở thành mục tiêu của các đoàn thám

became the objective of Portuguese, Spanish and then Dutch and English expeditions to the East. But when adventurers like Galeote Pereira reached their objective they found that 'China' did not exist in the form they had imagined. Three centuries later, however, their idea of a country, a continuous state with its origins rooted in antiquity, was adopted by a small, elite fraction of Chinese society. They chose to become China.

In the summer of 1689, an envoy of the double tsars of Russia, Peter I and Ivan V, sat down with representatives of the Kangxi Emperor, the fourth ruler of the Qing Dynasty, by the side of the Nercha River in Siberia. The Russians sat on chairs while the Qing representatives preferred cushions. In the specially pitched tent, 5,000 kilometres east of Moscow and 1,300 kilometres north of Beijing, they argued over who had the right to exploit the frontier lands stretching all around them. This event has sometimes been used to justify the claim that, as early as the seventeenth century, the Qing state formally called itself 'Zhongguo'. However, a closer look at what happened demonstrates that this is mistaken. Instead, it is more evidence for the foreigners' invention of China.

For several decades, Russian pioneers had been exploring and settling further and further along the Amur River and its tributaries, reaching areas the Qing elite regarded as rightfully theirs. The Qing had resisted and the result, during the

hiểm Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, sau đó là Hà Lan và Anh đến phương Đông. Nhưng khi những nhà thám hiểm như Galeote Pereira tới được đích đến của mình, họ phát hiện ra rằng 'China' không tồn tại trong dạng mà họ tưởng tượng. Tuy nhiên, 3 thế kỉ sau, ý tưởng của họ về một đất nước, một quốc gia liên tục có nguồn gốc bắt nguồn từ thời cổ xưa, đã được một bộ phận nhỏ tầng lớp ưu tú của xã hội Trung Quốc thừa nhận. Nhóm này đã chọn trở thành Trung Quốc.

Vào mùa hè năm 1689, một sứ thần của hai sa hoàng Nga, Peter I và Ivan V, đã ngồi họp với đại diện của Hoàng đế Khang Hi, vua thứ tư của nhà Thanh, bên cạnh sông Nercha ở Siberia. Người Nga ngồi trên ghế trong khi đại diện nhà Thanh thích ngồi trên gối hơn. Trong căn lều đặc biệt, cách Mátxcơva 5 000 km về phía đông và cách Bắc Kinh 1 300 km về phía bắc, họ tranh cãi xem ai có quyền khai thác các vùng đất biên cương trải dài xung quanh họ. Sự kiện này đôi khi được sử dụng để biện minh cho khẳng định rằng, ngay từ đầu thế kỉ 17, nhà Thanh đã chính thức tự xưng là 'Trung Quốc'. Tuy nhiên, khi xem xét kĩ càng hơn thì những gì đã xảy ra chứng tỏ rằng điều này sai. Thay vì vậy, có nhiều bằng chứng hơn cho việc người nước ngoài sáng chế ra Trung Quốc.

Trong vài thập kỉ, những người tiên phong Nga đã khám phá và định cư ngày càng xa hơn dọc theo sông Amur và các nhánh của nó, tiếp cận những khu vực mà giới thượng lưu nhà Thanh coi là những khu vực đúng lẽ là của họ. Nhà Thanh đã chống lại và kết quả là trong

1980s, was a series of conflicts. By the end of the decade, Qing forces had turned back the encroachments and both empires were ready to negotiate peace. After exchanges of messages between the two governments, a meeting was agreed outside the newly established Russian settlement of Nerchinsk.

Who were the people who founded the Qing state? They were a people from what is now northeastern China and they spoke a Siberian language: Manchu. In 1644 they had ridden out of their chilly homeland and taken over the moribund Ming state. They were people from outside the *zhong guo* but they quickly realised that if they were to rule the former Ming domain successfully they would have to adopt some of the techniques of their predecessors. Yet even while they did so, they remained Manchu. They continued to rule in an Inner Asian style, which the American historian Pamela Crossley has called simultaneous ruling.⁹ Each part of their great-state was ruled differently, according to what was thought culturally appropriate. Yet at its centre, Manchu language and script remained the official language and script of the state and the new elite sought to preserve their traditions: riding, archery and hunting; rites, prayers and sacrifices to ancestors. More importantly they maintained Manchu regiments - known as banners - to control the society they had conquered. In effect, from the mid-seventeenth century, the *zhong guo* became a province of a Manchu 'great-state'.

The Kangxi Emperor sent two relatives,

suốt những năm 1890, một loạt các cuộc xung đột xảy ra. Vào cuối thập kỉ đó, quân Thanh đã dừng các cuộc xâm lấn và cả hai đế quốc đã sẵn sàng đàm phán hòa bình. Sau khi trao đổi thông điệp của hai chính phủ, một cuộc họp đã được thỏa thuận bên ngoài khu định cư Nerchinsk của Nga mới được thành lập.

Dân tộc nào là dân tộc thành lập nước Thanh ? Họ là một dân tộc gốc ở vùng đông bắc Trung Quốc ngày nay và họ nói một ngôn ngữ vùng Siberia: tiếng Mãn. Vào năm 1644, họ đã đi khỏi quê hương lạnh giá của họ và chiếm lấy nước Đại Minh. Họ là những người từ bên ngoài *trung quốc* nhưng họ nhanh chóng nhận ra rằng nếu họ muốn cai trị lãnh địa cũ của nhà Minh thành công họ phải áp dụng một số kĩ thuật của các triều đại trước đó. Tuy nhiên, ngay cả khi họ đã làm như vậy, họ vẫn là người Mãn. Họ tiếp tục cai trị theo kiểu Nội Á, mà sử gia người Mỹ Pamela Crossley gọi là cai trị đồng thời (simultaneous ruling).⁹ Mỗi phần của đại quốc được cai trị một cách khác nhau, theo cách được cho là phù hợp về mặt văn hóa. Tuy nhiên, ở trung tâm của nó, tiếng nói và chữ viết Mãn vẫn là tiếng nói và chữ viết chính thức của quốc gia và giới thượng lưu mới tìm cách bảo tồn các truyền thống của họ: cưỡi ngựa, bắn cung và đi săn; nghi lễ, cầu nguyện và cúng tế tổ tiên. Quan trọng hơn, họ duy trì các đội quân Mãn Châu - được gọi là Bát Kỳ (八旗) - để kiểm soát xã hội mà họ đã chinh phục. Trên thực tế, từ giữa thế kỉ 17, *trung quốc* trở thành một tỉnh của 'đại quốc' Mãn Châu.

Hoàng đế Khang Hi sai hai người thân,

Songgotu and Tong Guogang, to lead the talks in Nerchinsk. Neither spoke Russian. The Russian tsars had sent Count Feodor Alekseyevich Golovin as their representative but he could not speak Manchu. The fact that the negotiations even took place, and that they were successful, was largely due to the roles played by two European Jesuit priests. They were a Frenchman, Jean-François Gerbillon, and a Portuguese, another Pereira: Thomas. The Jesuits' privileged access to the imperial court had survived its takeover by the Manchus. By 1689 Thomas Pereira had been attached to the Qing court for sixteen years. We know he spoke good Manchu since he also wrote textbooks in the language explaining Western mathematics.¹⁰

Thomas Pereira was a remarkable man. As the second son of an aristocratic family he could not inherit his father's title and instead devoted himself to the Church. He joined the Jesuits at the age of seventeen and then studied at the University of Coimbra where he excelled in both mathematics and music. Among his fellow students there was the first Macao-born Jesuit, Zheng Weixin (鄭維信). Perhaps inspired by Zheng, Pereira sailed east at the age of twenty, the youngest of a consignment of missionaries headed to Asia. After more studies in Goa and Macao he was summoned to Beijing, arriving in early 1673 at the age of twenty-six. He would spend the rest of his life there.¹¹

Songgotu (索額圖: Sách Ngạch Đồ) và Tong Guogang (童國剛: Đồng Quốc Cương) lãnh đạo các cuộc đàm phán ở Nerchinsk. Hai ông này không nói được tiếng Nga. Sa hoàng Nga cử Bá tước Feodor Alekseyevich Golovin làm đại diện nhưng ông này không biết nói tiếng Mãn. Thực tế là cuộc đàm phán thậm chí đã diễn ra và đã thành công, phần lớn là do vai trò của hai giáo sĩ Dòng Tên châu Âu. Họ gồm một người Pháp, Jean-François Gerbillon, và một người Bồ Đào Nha, một ông cũng có họ Pereira: Thomas. Đặc quyền ra vào triều đình của các tu sĩ Dòng Tên được tiếp tục sau khi nơi này bị người Mãn Châu nắm lấy. Đến năm 1689, Thomas Pereira đã gắn bó với triều đình nhà Thanh 16 năm. Chúng ta biết ông nói giỏi tiếng Mãn vì ông cũng đã viết sách giáo khoa bằng tiếng này giảng giải toán học phương Tây.¹⁰

Thomas Pereira là một người đáng chú ý. Là con trai thứ hai của một gia đình quý tộc, ông không thể kế thừa tước vị của cha mình và thay vì vậy ông đã hiến mình cho Giáo hội. Ông gia nhập Dòng Tên lúc 17 tuổi và sau đó học tại Đại học Coimbra, ở đó ông xuất sắc về cả toán lẫn âm nhạc. Trong số các bạn học cùng khóa có tu sĩ Dòng Tên gốc Macao đầu tiên, Zheng Weixin (鄭維信: Trịnh Duy Tín). Có thể được gợi hứng từ Tín, Pereira lên đường tới phương Đông ở tuổi 20, trẻ nhất trong đoàn những người truyền giáo đến châu Á. Sau khi học thêm ở Goa và Macao, ông được triệu đến Bắc Kinh, đến vào đầu năm 1673 ở tuổi 26. Ông dành phần còn lại của cuộc đời mình ở đó.¹¹

Các tu sĩ Dòng Tên cần phải tạo ấn

The Jesuits needed to impress the young emperor and Pereira was set to work making clocks, scientific instruments and pipe organs. One of his most extravagant creations involved a caged bird and a set of ten bells. Whenever the bird drank water or opened its food box, it would trigger the playing of a melody. The attraction probably paled after a while. Nonetheless, through his scientific skills, Pereira seems to have got to know Kangxi well. In 1680 he wrote to his superiors that he had had long conversations with the emperor in his own chambers. In 1688 he told them, 'From me (if I want) nothing can be hidden at the Court.'¹² It was this confidence, together with respect for the Jesuits' knowledge of the wider world, that led to Kangxi sending Pereira and Galeote out to meet the Russians at Nerchinsk.

When the Qing delegates wanted to say something in the negotiations they spoke to the Jesuits in Manchu, the Jesuits translated the Manchu into Latin for a Polish translator, Andrei Belobotski. Belobotski then translated the Latin into Russian for Golovin. Both priests left detailed accounts of how the talks unfolded and it is clear that they interpreted more than just language. They were also responsible for translating concepts of law, government and the nature of political authority between the worlds of western Europe and eastern Asia.

tượng tốt với vị hoàng đế trẻ và Pereira bắt đầu làm công việc chế tạo đồng hồ, dụng cụ khoa học và đàn ống. Một trong những sáng tạo xa xỉ nhất của ông là một con chim trong lồng và một bộ 10 chiếc chuông. Bất cứ khi nào con chim uống nước hoặc mở hộp thức ăn, nó sẽ phát ra một giai điệu. Sự hấp dẫn có lẽ sẽ giảm sau một thời gian. Tuy nhiên, thông qua kĩ năng khoa học của mình, Pereira dường như đã biết rất rõ về Khang Hi. Năm 1680, ông viết thư cho cấp trên của mình rằng ông đã có những cuộc trò chuyện dài với hoàng đế trong phòng riêng của ngài. Năm 1688, ông đã nói với họ, '(Nếu tôi muốn) không có gì có thể giấu được với tôi tại Triều đình.'¹² Chính sự tự tin này, cùng với sự kính trọng đối với kiến thức về thế giới rộng lớn hơn của các tu sĩ Dòng Tên, đã khiến cho Khang Hi phái Pereira và Galeote đi gặp người Nga tại Nerchinsk.

Khi các đại biểu của nhà Thanh muốn nói điều gì đó trong đàm phán thì họ nói với các tu sĩ Dòng Tên bằng tiếng Mãn, các tu sĩ Dòng Tên dịch từ tiếng Mãn sang tiếng Latin cho một người thông dịch Ba Lan, Andrei Belobotski. Belobotski sau đó dịch từ tiếng Latin sang tiếng Nga cho Golovin. Cả hai linh mục đều để lại những tường thuật chi tiết về cách cuộc đàm phán diễn ra và rõ ràng là họ thông dịch nhiều thứ hơn là chỉ ngôn ngữ. Họ cũng chịu trách nhiệm dịch các khái niệm về luật pháp, chính quyền và bản chất của quyền lực chính trị giữa thế giới Tây Âu và thế giới Đông Á.

Trong cuốn hồi kí của mình, Thomas Pereira mô tả ông phải làm cách nào để

In his memoir, Thomas Pereira describes how he had to convince the Qing that the Russians were not savages but civilised people with whom they could make an agreement. But he expresses some exasperation with the Qing's perception of their status: 'From the beginning of the world, China had never received foreigners in its empire except as tribute-bearers,' he wrote in his diary. 'In their crass ignorance of the world, the Tartars [i.e. the Qing], with the same pride as the Chinese, considered other nations shepherds like their neighbours. They thought everything was part of the China which they proudly called *Tian Xia* - i.e. "all under heaven" as if nothing else existed.'¹³ By his own account, Pereira introduced the Qing to what Europeans were starting to call the 'Law of Nations' - a view of states as territorial entities with boundaries and sovereignty that other states were obliged to accept. This was a relatively novel view of international society, one that had been embodied in the Treaty of Westphalia, which ended the Thirty Years War in 1648, just four decades before the talks on the banks of the Nercha River.

The Russian leadership had a reasonable understanding of this 'Westphalian' view of the world. It was a view that the Jesuits understood (even if the Pope disapproved of it) and it was up to them to persuade the Qing to accept enough of it to sign a formal boundary agreement with the tsars' delegates. The discussions, including the three-stage

thuyết phục nhà Thanh rằng người Nga không phải là những kẻ man rợ mà là những người văn minh mà họ có thể thực hiện thỏa thuận với. Nhưng ông bày tỏ sự bức tức với nhận thức của nhà Thanh về địa vị của họ: 'Từ buổi ban đầu của thế giới, Trung Quốc chưa bao giờ tiếp đón người nước ngoài vào trong đế chế của mình ngoại trừ những người đến dâng cống,' ông viết trong nhật kí. 'Trong sự hoàn toàn dốt nát về thế giới người Tatar [Thất Đất tức là nhà Thanh], với niềm cao ngạo giống như người Trung Quốc, coi các quốc gia khác là những kẻ chăn cừu giống như các nước láng giềng của họ. Họ nghĩ rằng mọi thứ đều là một bộ phận của Trung Quốc mà họ tự hào gọi là *Thiên Hạ* - tức là "mọi thứ dưới vòm trời" như thể không có gì khác tồn tại.'¹³ Qua lời kể của chính mình, Pereira đã giới thiệu cho nhà Thanh cái mà người châu Âu bắt đầu gọi là 'Luật về quốc gia' ('Law of Nations') - quan điểm coi quốc gia là thực thể lãnh thổ có ranh giới và chủ quyền mà các quốc gia khác có nghĩa vụ phải chấp nhận. Đây là một quan điểm tương đối mới lạ về xã hội quốc tế, một quan điểm đã được thể hiện trong Hiệp ước Westphalia, kết thúc Chiến tranh Ba mươi năm vào năm 1648, chỉ bốn thập kỉ trước cuộc đàm phán bên bờ sông Nercha.

Giới lãnh đạo Nga đã có một hiểu biết tương đối tốt quan điểm 'Westphalia' này về thế giới. Đó là quan điểm mà các tu sĩ Dòng Tên thông hiểu (ngay cả khi Giáo hoàng không đồng ý) và tùy theo mình họ phải thuyết phục nhà Thanh chấp nhận đủ về nó để kí một thỏa thuận ranh giới chính thức với các đại biểu của sa hoàng. Các cuộc thảo luận, bao gồm việc thông dịch ba giai đoạn theo mỗi hướng, đã kéo

translations in each direction, were protracted and nearly broke down at several points. But finally, on 6 September 1689, the negotiations were complete and an agreement, the Treaty of Nerchinsk, was signed. Significantly, it was not written in Chinese. The Jesuits and Belobotski agreed the final text in Latin and each side subsequently made their own translations into Russian and into Manchu - the language of the Qing court. No Chinese translation was made until much later; indeed, it seems likely that the treaty text was actually kept secret from Chinese-reading audiences.

The Latin text of the treaty uses the name '*Imperii Sinici*' to refer to the Qing realm. The Manchu text uses the term 'Dulimbai Gurun', which can be translated as 'central state', apparently the Manchu equivalent of *zhong guo*. But it is vital to remember that these are European Jesuit interpretations of the Qing world-view. Pereira himself says the court used a different term, *Tian Xia*, but he knew that the idea of a Qing state claiming to rule 'all under heaven' would not fit with a Russian state claiming to follow the 'Law of Nations'. This is almost certainly the reason why the treaty text was kept secret from Chinese audiences. If they had discovered that the emperor had signed a boundary agreement, they might have concluded that he was not, after all, the ruler of all under heaven' - *tianxia*. The implication for the political philosophy behind *zhong guo* could have been catastrophic.

dài và gần như bị gãy đổ ở một số thời điểm. Nhưng cuối cùng, vào ngày 6 tháng 9 năm 1689, cuộc đàm phán đã hoàn tất và một hiệp định, Hiệp ước Nerchinsk, đã được kí kết. Đáng chú ý là nó không được viết bằng tiếng Trung. Hai tu sĩ Dòng Tên và Belobotski đã thỏa thuận văn bản cuối cùng viết bằng tiếng Latinh và sau đó mỗi bên tự dịch sang tiếng Nga và tiếng Mãn - ngôn ngữ của triều đình nhà Thanh. Không có bản dịch tiếng Trung nào được thực hiện cho đến sau này; quả thật, có vẻ như văn bản hiệp ước trên thực tế đã được giữ bí mật với công chúng đọc tiếng Trung.

Văn bản tiếng Latinh của hiệp ước sử dụng tên '*Imperii Sinici*' để chỉ vương quốc nhà Thanh. Văn bản tiếng Mãn sử dụng thuật ngữ 'Dulimbai Gurun', có thể được dịch là 'nước trung tâm', có vẻ là tiếng Mãn tương đương với *trung quốc*. Nhưng điều quan trọng cần nhớ rằng đây là những diễn giải của Dòng Tên châu Âu về thế giới quan của nhà Thanh. Bản thân Pereira nói rằng triều đình đã sử dụng một từ ngữ khác, *Thiên Hạ*, nhưng ông biết rằng ý tưởng về một nước Đại Thanh khẳng định cai trị 'mọi thứ dưới vòm trời' sẽ không phù hợp với một nước Nga tuyên bố tuân theo 'Luật về quốc gia'. Đây gần như chắc chắn là lí do tại sao văn bản hiệp ước được giữ bí mật với công chúng Trung Quốc. Nếu như họ phát hiện ra rằng hoàng đế đã kí một thỏa thuận ranh giới, họ có thể kết luận rằng rốt cuộc ông không phải là người cai trị 'mọi thứ dưới vòm trời' - *thiên hạ*. Hàm ý cho triết lí chính trị đằng sau từ *trung quốc* có thể là thảm họa.

The Treaty of Nerchinsk has subsequently become famous as the first document in which China represented itself as 'China' to a foreign power. However, this version of events misunderstands what took place. The accounts of those present at the talks make clear that Chinese was not used in the official negotiations. No Chinese secretaries were attached to the negotiating mission (so no Chinese-language records were made) and Pereira makes clear that the Qing emissaries spoke Manchu or Mongolian. Rather than seeing the Treaty of Nerchinsk as a 'coming of age' document for a nascent 'China', therefore, it is more accurate to see it as the Jesuits' attempt to present an Asian state in terms that Europeans would understand. In this sense, Gerbillon and Pereira weren't just translating between languages, they were interpreting entirely different conceptions of political order and the nature of states. To some extent they were misrepresenting the nature of the Qing Great-State in order to make it fit into the European diplomatic order in the wider interests of peace between the two. The Treaty of Nerchinsk was not the first moment that a 'Chinese' state used Zhongguo as its name, no matter what later nationalist historians have written. It was the moment at which the Jesuits used their knowledge of East and West to accommodate within the 'Law of Nations' a quite different regional order in which states were not defined by their territory but by their allegiance to a ruler.

Hiệp ước Nerchinsk sau đó đã trở nên nổi tiếng như là văn kiện đầu tiên mà Trung Quốc tự xưng là 'Trung Quốc' trước một cường quốc nước ngoài. Tuy nhiên, phiên bản này về sự kiện lại hiểu sai những gì đã diễn ra. Lời kể của những người có mặt tại cuộc đàm phán cho thấy rõ rằng tiếng Trung không được sử dụng trong các cuộc đàm phán chính thức. Không có thư kí Trung Quốc nào tham gia đoàn đàm phán (vì vậy không có ghi chép nào bằng tiếng Trung được thực hiện) và Pereira nói rõ rằng các sứ giả nhà Thanh nói tiếng Mãn hay tiếng Mông Cổ. Do đó, thay vì coi Hiệp ước Nerchinsk là một văn kiện vào 'thời điểm bước vào trưởng thành' cho một 'Trung Quốc' non trẻ thì sẽ chính xác hơn khi coi đó là nỗ lực của các tu sĩ Dòng Tên nhằm thể hiện một quốc gia châu Á theo cách mà người châu Âu có thể hiểu được. Theo nghĩa này, Gerbillon và Pereira không chỉ làm việc thông dịch giữa các ngôn ngữ, họ còn diễn giải các quan niệm hoàn toàn khác nhau về trật tự chính trị và bản chất của các quốc gia. Ở một mức độ nào đó, họ đã diễn giải sai lệch bản chất của nước Đại Thanh để làm cho nó phù hợp với trật tự ngoại giao châu Âu vì lợi ích của hòa bình rộng lớn hơn giữa hai bên. Hiệp ước Nerchinsk không phải là thời điểm đầu tiên mà một nước 'Trung Quốc' sử dụng *Trung Quốc* làm tên của mình, bất kể các sứ giả dân tộc chủ nghĩa sau này đã viết gì. Đó là thời điểm mà các tu sĩ Dòng Tên đã sử dụng kiến thức của họ về phương Đông và phương Tây để làm một trật tự khu vực khá khác biệt, trong đó các quốc gia không được xác định theo lãnh thổ của chúng mà qua lòng trung thành với một người cai trị, thích nghi với 'Luật về quốc gia'.

While the Kangxi Emperor may have been grateful for the peace on his northern frontier, he was not sufficiently enthusiastic about his government's implicit endorsement of the Law of Nations to publicise the Treaty of Nerchinsk within his own realm. Joseph Sebes, himself a Jesuit and a twentieth century Sinologist at Georgetown University, noted that there was no trace of the text of the treaty in any of the Chinese sources of the time. However, Peter C. Perdue, professor of Chinese history at Yale University, has found a copy in the Kangxi Shilu, a collection of documents of the emperor's daily activities published at the end of his reign. It does not seem to have been made public until around 200 years after the original Treaty of Nerchinsk was signed. This was a time, in the late nineteenth century, when the Qing state was again being forced to deal with Russia at the point of a gun and it had an interest in making use of the original treaty.

The Jesuits were a small but highly influential presence at the Qing court during the seventeenth and eighteenth centuries. Priests sometimes spent decades living in Beijing (Thomas Pereira spent thirty-two years in the city) speaking directly with officials and even the emperors themselves. They sent back detailed reports to the Jesuit and Catholic hierarchies and through them Europe came to know more about the mysterious land of the east. It is they, primarily, who give the name 'China' to this land and presented it to European audiences through maps and books. After Galeote and Thomas, one might say that

Mặc dù Hoàng đế Khang Hi có thể biết ơn vì có hòa bình ở biên giới phía bắc, nhưng ông không nhiệt tình tới mức cho triều đình ngấm chấp thuận Luật Quốc gia để công bố Hiệp ước Nerchinsk trong lãnh thổ của mình. Joseph Sebes, bản thân là một tu sĩ Dòng Tên và một nhà Hán học thế kỉ 20 tại Đại học Georgetown, lưu ý rằng không có dấu vết văn bản của hiệp ước trong bất kì nguồn nào của Trung Quốc vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Peter C. Perdue, giáo sư lịch sử Trung Quốc tại Đại học Yale, đã tìm thấy một bản sao trong Khang Hi Thực lục, một tập hợp các tài liệu về các hoạt động hàng ngày của hoàng đế được xuất bản vào cuối triều đại của ông. Nó dường như chỉ được công bố sau khoảng 200 năm sau khi Hiệp ước Nerchinsk ban đầu được kí kết. Đây là thời điểm vào cuối thế kỉ 19, khi nước Đại Thanh một lần nữa bị buộc phải đối phó với Nga bằng súng đạn và họ muốn tận dụng hiệp ước ban đầu.

Các tu sĩ Dòng Tên có một sự hiện diện không nhiều nhưng có ảnh hưởng lớn tại triều đình nhà Thanh trong thế kỉ 17 và 18. Các linh mục đôi khi sống nhiều thập kỉ ở Bắc Kinh (Thomas Pereira đã sống 32 năm ở thành phố này) nói chuyện trực tiếp với quan lại và thậm chí với chính hoàng đế. Họ đã gửi lại các báo cáo chi tiết cho các giáo sĩ Dòng Tên và hệ giáo phẩm Công giáo và thông qua họ, châu Âu đã biết thêm về vùng đất bí ẩn phương đông. Về cơ bản, chính họ đã đặt cho vùng đất này cái tên 'China' và giới thiệu nó với công chúng châu Âu thông qua bản đồ và sách. Sau Galeote và Thomas, người ta có thể nói rằng 'China' thực sự bắt đầu với các bài viết

'China' really begins with the writings of a pair of Pereiras.

When the Jesuits chose '*Zhongguo*' to represent the Qing Great-State in its dealings with Russia they did far more than translate a name. They started a process through which the state began to present itself and then think of itself in a new way. Although the phrase had been used for millennia, it was only towards the end of the Qing era that *Zhongguo* became commonly used in its international relations. Research by the Japanese historian Kawashima Shin found that in the first half of the nineteenth century just twenty-eight diplomatic documents used the terms Qing and *Zhongguo* in the same text. But *Zhongguo* became more common in the second half of the century, appearing in treaties with Russia in 1861 and the United States in 1880, for example. Yet, the wording of the 1861 Chinese-Peruvian Trade Agreement only refers to Da Qing Guo (Qing Great-State). Arif Dirlik surmised that where an agreement referred to actions by the government, Qing diplomats used the term 'Da Qing Guo' but where it was a reference to a piece of territory they used '*Zhongguo*'.¹⁴

However, the American geographer Richard Smith notes that, historically, *Zhong guo* was not a consistently used name. It was only one of many terms used in old texts to describe this amorphous piece of territory. He lists several others, including: *Zhong hua* - 'Central florescence'; *Shenzhou* - 'Spiritual

của cặp Pereiras.

Khi các tu sĩ Dòng Tên chọn cái tên '*Trung Quốc*' để thể hiện cho nước Đại Thanh trong các giao dịch với Nga, họ đã làm nhiều hơn là dịch một cái tên. Họ bắt đầu một quá trình mà qua đó quốc gia này bắt đầu bộc lộ chính mình và sau đó suy nghĩ về chính mình theo một cách mới. Mặc dù cụm từ này đã được sử dụng trong nhiều thiên niên kỷ, chỉ đến thời cuối nhà Thanh, *Trung Quốc* mới được sử dụng phổ biến trong các quan hệ quốc tế. Nghiên cứu của nhà sử học Nhật Kawashima Shin phát hiện ra rằng vào nửa đầu thế kỷ 19, chỉ có 28 tài liệu ngoại giao sử dụng từ Thanh và *Trung Quốc* trong cùng một văn bản. Nhưng *Trung Quốc* trở nên phổ biến hơn vào nửa sau thế kỷ này, xuất hiện chẳng hạn trong các hiệp ước với Nga năm 1861 và Hoa Kỳ năm 1880. Tuy nhiên, lời văn của Hiệp định Thương mại Trung Quốc-Peru năm 1861 chỉ đề cập đến Đại Thanh quốc (nước Đại Thanh). Arif Dirlik phỏng đoán rằng chỗ nào mà một thỏa thuận đề cập đến các hành động của chính phủ, các nhà ngoại giao nhà Thanh sử dụng cụm từ 'Đại Thanh Quốc' nhưng chỗ nào mà nó dùng để chỉ một phần lãnh thổ thì họ sử dụng '*Trung Quốc*'.¹⁴

Tuy nhiên, nhà địa lí người Mỹ Richard Smith lưu ý rằng, về mặt lịch sử, *Trung Quốc* không phải là một cái tên được sử dụng nhất quán. Đó chỉ là một trong nhiều từ được sử dụng trong các văn bản cổ để mô tả mảnh lãnh thổ vô định hình này. Ông liệt kê nhiều tên khác, gồm có: *Trung Hoa* - 'Nở hoa trung tâm'; *Thần Châu* - 'Vùng đất thần'; *Cửu Châu* - 'Chín châu';

region'; *Jiu zhou* - 'the Nine regions'; *Zhong tu* - 'Central land'; and *Tian xia* - 'All under heaven'. He argues that the relationship between these terms, and the differences between their exact meanings in ancient documents, is far from clear. The twentieth-century Chinese historian Chen Liankai (陈连开) argued that *zhong hua* was first used during the third or fourth century and combined *zhong guo* with *hua xia* - two ways of describing the 'civilised' regions under the rule of the Jin Dynasty. Chen argued that both *zhongguo* and *zhonghua* were used interchangeably from then on. Lydia H. Liu, professor of Chinese language at Columbia University, notes that the words *hua* and *xia* were both used to draw a distinction between the 'illustrious' or 'civilised' people within the '*zhong guo*', and the barbarians living outside it: the *yi* or *yi-di*. Liu says the words *hua* and *xia* encompass the essence of an identity but she agrees that their actual meaning and connotations have shifted over millennia.¹⁵

When we see modern China's self-image being put on display at events such as the Belt and Road Forum, we see the results of ideas that were consciously imagined, debated and imposed by intellectuals and activists in the late nineteenth and early twentieth centuries. As we shall see, it was discussions between thinkers in colonial cities such as Shanghai, and others in exile overseas that created an idea of a nation-state that appeared to be indigenous but was actually constructed in the image of the Western notion of 'China'. These discussions were inseparable from two other arguments:

Trung thổ - 'Đất Trung tâm'; và *Thiên Hạ* - 'Mọi thứ dưới vòm trời'. Ông lập luận rằng mối quan hệ giữa những từ này, và sự khác nhau giữa ý nghĩa chính xác của chúng trong các tài liệu cổ là không rõ ràng. Nhà sử học Trung Quốc thế kỉ 20, Chen Liankai (陈连开: Trần Liên Khai) cho rằng *trung hoa* lần đầu tiên được sử dụng vào thế kỉ 3 hoặc 4 và kết hợp *trung quốc* với *hoa hạ* - hai cách mô tả các vùng 'văn minh' dưới sự cai trị của nhà Tấn. Khai lập luận rằng cả *trung quốc* và *trung hoa* đều được sử dụng thay thế cho nhau kể từ đó. Lydia H. Liu, giáo sư tiếng Trung tại Đại học Columbia, lưu ý rằng cả hai từ *hoa* và *hạ* đều được sử dụng để phân biệt những người 'nổi trội' hoặc 'văn minh' bên trong '*trung quốc*', với những người man rợ sống bên ngoài nước này: người *di* hoặc *di dịch*. Lydia nói rằng những từ *hoa* và *hạ* bao hàm cốt tủy của một bản sắc nhưng đồng ý rằng ý nghĩa và nội hàm của chúng đã thay đổi qua hàng thiên niên kỉ.¹⁵

Khi chúng ta nhìn thấy hình ảnh tự nhận thức của Trung Quốc hiện đại được trưng bày tại các sự kiện như Diễn đàn Vành đai và Con đường, chúng ta sẽ thấy kết quả của những ý tưởng đã được các trí thức và nhà hoạt động vào cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20 hình dung, tranh luận và áp đặt một cách có ý thức. Như chúng ta sẽ thấy, chính những cuộc thảo luận giữa các nhà tư tưởng ở các thành phố thuộc địa như Thượng Hải, và những người khác sống lưu vong ở nước ngoài đã tạo ra một ý tưởng về một quốc gia-dân tộc (nation-state) có vẻ có tính bản địa nhưng thật ra được xây dựng theo hình ảnh của quan niệm phương Tây về 'China'. Những cuộc thảo luận này không thể tách rời khỏi hai cuộc tranh luận khác: về việc

about whether the new state would be a reformed monarchy or a revolutionary republic and about whether it needed to be ethnically homogenous.

Zhang Deyi was a poster boy for the Qing Great-State in the second half of the nineteenth century. He would become well known as one of the very first of its subjects to travel and live in Europe and America. He came of age just in time to participate in the first phase of cooperation between reformers inside the Manchu court and the newly arrived envoys pressed upon them by foreign powers after the Second Opium War. In 1862 the fifteen-year-old Zhang was chosen to be one of the first ten students admitted to the Tongwen Guan - the Translators College - in Beijing. The college was founded by the reformers and funded by the new 'Imperial Maritime Customs Service', which was itself run jointly by the court and foreign powers.

The Customs Service was another consequence of the Opium Wars. It emerged, as a curious hybrid organisation, from the chaos of the immensely bloody Taiping Rebellion, the simultaneous attacks by the European powers and from internal palace coups. The Cambridge historian Hans van de Ven traces its origin to an informal arrangement reached in 1854 between British and Qing officials in the international concession of Shanghai. In 1861, shortly after British and French

liệu nước mới này sẽ là một nước quân chủ cải cách hay một nước cộng hòa cách mạng và về việc liệu nó có cần phải đồng nhất về mặt chủng tộc hay không.

Zhang Deyi (張德彝: Trương Đức Di) là một cậu bé hậu sinh của nước Đại Thanh vào nửa sau thế kỉ XIX. Ông được biết đến nhiều như một trong những tôi thân nhà Thanh đầu tiên đi đến và sống ở Châu Âu và Châu Mỹ. Ông lớn lên đúng lúc để tham gia vào giai đoạn hợp tác đầu tiên giữa những người cải cách trong triều đình Mãn Thanh và các sứ thần mới đến bị các thế lực nước ngoài thúc ép họ sau Chiến tranh Thuốc phiện lần thứ hai. Năm 1862, cậu bé Di 15 tuổi được chọn là một trong 10 học sinh đầu tiên được nhận vào Tongwen Guan (Đông Văn quán) - trường Cao đẳng Phiên dịch - ở Bắc Kinh. Trường cao đẳng được những người cải cách sáng lập và được 'Sở Thuế quan Hàng hải Hoàng gia' mới lập tài trợ, sở này vốn được chính triều đình và các cường quốc nước ngoài cùng điều hành.

Sở Thuế quan là một hệ quả khác của cuộc Chiến tranh Thuốc phiện. Sở này nổi lên, như một tổ chức hỗn hợp lạ lùng, từ sự hỗn loạn của cuộc nổi loạn Thái Bình thiên quốc vô cùng đẫm máu, các cuộc tấn công đồng thời của các cường quốc châu Âu và từ các cuộc đảo chính nội bộ cung đình. Nhà sử học Cambridge, Hans van de Ven, truy ra nguồn gốc của nó là một thỏa thuận không chính thức đạt được vào năm 1854 giữa các quan chức Anh và nhà Thanh trong việc tô nhượng quốc tế Thượng Hải. Năm 1861, ngay sau khi quân Anh và Pháp đã phá

troops had destroyed the emperor's Summer Palace outside Beijing, it became a formally established body. While it nominally answered to the emperor, it was actually run by British officials.¹⁶ It needed translators for its work, hence the establishment of the Translators' College. The college would do more than just translate documents, however. It became a crucial portal for Western ideas to enter elite Qing society.

Zhang spent three years learning English and French at the Translators' College and in 1866 he was an obvious candidate to join the Qing court's first official fact-finding mission to Europe. Then, in 1868, he joined a longer mission to the United States and Europe and in 1871 went to France immediately after the Franco-Prussian War. He kept diaries of his travels - just like Galeote and Thomas Pereira 300 years before - in which he recorded his impressions of the divergent sartorial and **degustatory** predilections of the people he encountered.¹⁷ While he was impressed by most of those he met, he was frustrated by Europeans and Americans who insisted on calling his country by the wrong name. 'After decades of East-West diplomatic and commercial interactions, [they] know very well that my country is called the *Da Qing Guo* [Qing Great-State] or the *Zhong Hua* [Central Efflorescence] but insist on calling it '*China*', *Zhaina*, *Qina*, *Shiyin*, *Zhina*, *Qita*, etc.', he complained. *Zhong Guo* has not been called by such a name over four thousand years of history. I do

hủy Cung Mùa hè của hoàng đế bên ngoài Bắc Kinh, sở này đã trở thành một cơ quan được thành lập chính thức. Trong khi trên danh nghĩa, nó phải báo cáo cho hoàng đế, còn trên thực tế lại được điều hành bởi các quan chức Anh.¹⁶ Nó cần người phiên dịch cho công việc của mình, do đó Trường Cao đẳng Phiên dịch được thành lập. Tuy nhiên, trường này sẽ làm nhiều thứ hơn là chỉ dịch tài liệu. Nó trở thành một cánh cổng quan trọng để các ý tưởng phương Tây xâm nhập vào xã hội tinh hoa nhà Thanh.

Di đã dành ba năm học tiếng Anh và tiếng Pháp tại Trường Cao đẳng Phiên dịch và vào năm 1866, ông là một ứng viên hiển nhiên để tham gia phái đoàn tìm hiểu sự thật chính thức đầu tiên của triều đình nhà Thanh đi đến châu Âu. Sau đó, vào năm 1868, ông tham gia một đoàn sứ dài hơn đến Hoa Kỳ và Châu Âu và năm 1871 đến Pháp ngay sau Chiến tranh Pháp-Phổ. Ông lưu giữ nhật ký về những chuyến du hành của mình - giống như Galeote và Thomas Pereira trước đó 300 năm - ông ghi lại trong đó ấn tượng của mình về những dự đoán khác nhau về phong thái và khẩu vị của những người ông gặp. Dù ấn tượng với hầu hết những người ông gặp, ông bị những người Âu và Mỹ làm thất vọng do họ khẳng khái gọi đất nước của ông sai tên. Ông than phiền rằng 'Sau nhiều thập kỷ tương tác thương mại và ngoại giao Đông Tây, [họ] biết rất rõ rằng đất nước của tôi được gọi là *Đại Thanh quốc* [nước Đại Thanh] hay *Trung Hoa* [Nở hoa trung tâm] nhưng vẫn khẳng khái gọi nó là "*China*", *Zhaina*, *Qina*, *Shiyin*, *Zhina*, *Qita*, v.v. *Trung Quốc* đã không hề bị gọi bằng cái tên như vậy trong hơn 4000 năm lịch sử. Tôi không biết người phương Tây gọi nó bằng

not know on what basis Westerners call it by these names!' ¹⁸ For Zhang, the proper way to refer to his country was to invoke its ruling dynasty, not describe a piece of territory.

Zhang wrote this in May 1871 but he failed to convince his Western interlocutors of his case. Instead, over the following few decades, opinion, even among his own colleagues, would shift in the opposite direction. By 1887 another Qing diplomat, Huang Zunxian, would complain that his country lacked a 'proper name'. Huang had been sent to Japan in 1877 as an assistant to the newly appointed Qing ambassador there and spent five years watching the country open up to the outside world and begin to modernise. ¹⁹ He was impressed by the rapid improvements in Japanese living standards and wrote a long account of what he had seen in order to educate his fellow diplomats back home. They weren't particularly interested. Huang's manuscript was ignored until after Japan had defeated China in the 1894/5 Sino-Japanese War. Only then did it become the most important Chinese-language source of information about Japan.

Huang didn't begin his book with praise for Japanese modernisation. Instead, he opted for criticism of his home country and his priority was to address the naming problem, writing:

những cái tên này dựa trên cơ sở nào! ¹⁸ Đối với Di, cách thích hợp để nói đến đất nước của ông là viện tới triều đại cai trị của nó, chứ không phải mô tả một mảnh lãnh thổ.

Di viết bài này vào tháng 5 năm 1871 nhưng ông không thuyết phục được những người đối thoại phương Tây vấn đề của mình. Thay vào đó, trong vài thập kỉ sau đó, ý kiến, ngay cả trong các đồng nghiệp của ông, sẽ thay đổi theo hướng ngược lại. Đến năm 1887, một nhà ngoại giao khác của nhà Thanh, Huang Zunxian (黃遵憲: Hoàng Tuân Hiến), đã than phiền rằng đất nước của ông ta thiếu một 'tên riêng'. Ông Hiến đã được cử đến Nhật Bản vào năm 1877 với tư cách là trợ lí cho đại sứ nhà Thanh mới được bổ nhiệm ở đó và dành 5 năm để quan sát đất nước này mở cửa với thế giới bên ngoài và bắt đầu hiện đại hóa. ¹⁹ Ông rất ấn tượng trước sự cải thiện nhanh chóng trong mức sống của người Nhật và đã viết một bài tường thuật dài về những gì ông đã thấy để giáo huấn các nhà ngoại giao đồng nghiệp ở quê nhà. Họ không hề quan tâm. Bản thảo của Hiến đã bị bỏ lơ cho đến khi Nhật Bản đánh bại Trung Quốc trong Chiến tranh Trung-Nhật năm 1894/5. Chỉ sau đó, nó mới trở thành nguồn thông tin tiếng Trung quan trọng nhất về Nhật Bản.

Hiến không bắt đầu cuốn sách của mình bằng lời khen ngợi về sự hiện đại hóa của Nhật Bản mà lại chọn lấy những lời chỉ trích về quê hương mình và ưu tiên của ông là giải quyết vấn đề đặt tên, ông viết:

Research indicates that the diverse countries of the globe, such as England or France, all boast their own state names, the only exception being *Zhong Guo*.... But 'China', as variously transliterated in these languages, is not a name that we have used ourselves. Recently, when addressing foreigners, we have come to use the term *Zhong Hua* (Central Illustriousness). But our neighbours have denounced us for this, pointing out that all countries on earth see themselves as situated in the centre, and, moreover, that treating ourselves as 'illustrious' and others as barbaric constitutes no more than glorifying oneself in order to demean others.²⁰

In 1897, having served as a diplomat in Japan, San Francisco, London and Singapore, Huang was appointed the 'surveillance commissioner' (ancha shi) of Hunan province. He used his position - officially intended to oversee local officials - to advocate reform of the Qing state. He created a new school, the 'Hall of Current Affairs', in the provincial capital Changsha and invited one of the most famous reformers of this period, Liang Qichao, to be its chief lecturer. The previous year, the two had co-founded (along with another reformer, Tan Sitong) a journal, *Qiangxue Bao* (強學寶) - 'Strength Through Education Journal' - that would become particularly influential in what would follow.²¹

Nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, chẳng hạn như Anh hoặc Pháp, đều tự hào tên nước của riêng mình, ngoại lệ duy nhất là *Trung Quốc*.... Nhưng 'China', như được phiên âm theo nhiều ngôn ngữ khác nhau, không phải là cái tên mà chính chúng ta đã và đang sử dụng. Gần đây, khi xưng hô với người nước ngoài, chúng ta đã sử dụng từ *Trung Hoa* (Sự rạng rỡ trung tâm). Nhưng các nước láng giềng của chúng ta đã phản đối chúng ta vì điều này, khi chỉ ra rằng mọi quốc gia trên trái đất đều coi mình như nằm ở trung tâm, và hơn nữa, việc coi mình là 'rạng rỡ' và những người khác là man rợ chẳng khác gì tự tôn vinh mình để hạ thấp người khác.²⁰

Năm 1897, từng là nhà ngoại giao ở Nhật Bản, San Francisco, London và Singapore, Hiến được bổ nhiệm làm 'ủy viên giám sát' (按察使: án sát sứ) tỉnh Hồ Nam. Ông sử dụng chức vụ của mình - có mục đích giám sát chính thức quan lại địa phương - để vận động cải tổ nhà Thanh. Ông tạo ra một trường học mới, 'Hall of Current Affairs', ở tỉnh lỵ Trường Sa và mời một trong những nhà cải cách nổi tiếng nhất thời kì này, Lương Khải Siêu (LKS), làm giảng viên chính. Năm trước đó, cả hai đã đồng sáng lập (cùng với một nhà cải cách khác, Tan Sitong [譚嗣同: Đàm Tự Đồng]) một tạp chí, *Cường học báo* 強學寶 - 'báo Sức mạnh qua Học tập' - sẽ trở nên đặc biệt ảnh hưởng đến những gì sẽ xảy ra sau đó.²¹

While Huang and Liang agreed on the need for constitutional reform and on the need for the country to have a 'proper' name, they disagreed about what that name should be. Huang didn't like *Zhong*, with its meaning of 'centrality'. In his 1887 essay he had argued instead for the more grandiose *Huaxia*, a name that literally translates as 'flourishing greatness' but also incorporates '*Hua*' and '*Xia*': ancient names for the peoples he considered to be the essence of his nation. Others argued, however, that *Huaxia* was properly the name of a people rather than a state. Huang's idea was generally ignored.

From their new positions the two men continued to press for modernisation. Together with Liang's mentor, the radical scholar Kang Youwei, they petitioned and then met the young ruler, the Guangxu Emperor, to argue for constitutional reform. In 1898, as a result of this lobbying, the emperor announced forty edicts heralding modest changes in education, the military and the civil service. They were far from dramatic but they so worried conservatives at the court that, 103 days later, the emperor's aunt, Empress Dowager Cixi (the real power behind the throne) organised a coup and forced her nephew to abandon them all. Guangxu continued to sit on the throne for another decade but was stripped of real power and Cixi, in effect, ruled through him. Six supporters of the Hundred Days Reform were executed while others, including Kang, Liang and

Trong khi Hoàng Tuân Hiến (HTH) và LKS đồng ý về sự cần thiết phải cải cách thể chế và sự cần thiết để đất nước có một cái tên 'riêng', họ không đồng ý về cái tên đó phải là gì. Hiến không thích *Trung*, với nghĩa là 'trung tâm'. Trong bài luận thuyết năm 1887, ông đã thuyết phục thay bằng *Hoa Hạ* (華夏) hùng vĩ hơn, một cái tên được dịch theo nghĩa đen là 'sự vĩ đại nở hoa' nhưng cũng kết hợp '*Hoa*' và '*Hạ*': hai tên cổ của các dân tộc mà ông coi là tinh hoa của đất nước mình. Tuy nhiên, những người khác lập luận rằng *Hoa Hạ* đúng là tên của một dân tộc hơn là một quốc gia. Ý tưởng của Hiến nói chung đã không được chú ý tới.

Từ vị trí mới của mình, hai ông này tiếp tục thúc đẩy hiện đại hóa. Cùng với học giả cấp tiến Khang Hữu Vi (KHV), cố vấn của LKS, họ kiến nghị và sau đó gặp vị vua trẻ, hoàng đế Quang Tự, để tranh luận về việc cải cách thể chế. Năm 1898, kết quả của cuộc vận động hành lang này, hoàng đế đã công bố 40 sắc lệnh báo trước những thay đổi khiêm tốn trong giáo dục, quân đội và dịch vụ dân sự. Những thay đổi đó không kịch tính nhưng đã khiến những người bảo thủ ở triều đình lo lắng đến nỗi, 103 ngày sau, dì của hoàng đế, thái hậu Từ Hi (người nắm thực quyền đứng sau ngai vàng) đã tổ chức một cuộc đảo chính và buộc cháu trai của bà phải bỏ hết nhưng thay đổi đó. Quang Tự tiếp tục ngồi trên ngai vàng trong một thập kỉ nữa nhưng đã bị tước bỏ quyền lực thực sự và trên thực tế, Từ Hi đã cai trị thông qua ông. Sáu người ủng hộ cuộc Cải cách Trăm ngày đã bị xử tử trong khi những người khác, bao gồm KHV, LKS và HTH, bỏ trốn. Hiến tìm nơi

Huang, fled. Huang found sanctuary in his hometown in the south and retired to write poetry. Kang and Liang faced execution and fled further: to Japan, where they continued to agitate.

These days Chinatown in Yokohama is a neon-lit tourist magnet but at the turn of the twentieth century it was a cauldron of subversion. From his base there, Liang wrote essays and published newspapers to circulate the ideas that he thought would propel his homeland along a road that Japan had already travelled: into modernity. But creating a modern nation-state required having a state with a name. In his much-read 1900 essay '*On the source of China's weakness*', Liang echoed Zhang Deyi, thirty years before, by telling his readers, 'Foreigners call our country "Cina" or "China" but that is not how we view ourselves.' But, unlike Zhang, Liang was particularly unhappy with the traditional way of referring to the country by its ruling dynasty: 'the Ming Great-State' or 'the Qing Great-State'. This, he feared, implied there was no Chinese nation at all. According to the Australian Sinologist John Fitzgerald, the lack of a name was, for Liang, proof of the Chinese people's cultural and intellectual immaturity: Liang called it a conceptual error 'lodged in every person's brain'.²²

The name that Liang chose, indeed the word he used for 'China' in the title of his essay, was *Zhongguo*. He took the historic idea of *zhong guo* as the 'central

trú ẩn ở quê mình ở phía nam và nghỉ hưu để làm thơ. KHV và LKS phải đối mặt với án tử hình và chạy trốn sang Nhật Bản, họ tiếp tục kích động ở đó.

Ngày nay khu phố Tàu ở Yokohama là một nam châm thu hút du lịch được thắp sáng bằng đèn neon nhưng vào đầu thế kỷ 20, nó là một vạc dầu của sự lật đổ. Từ cơ sở của mình ở đó, LKS đã viết các bài luận và xuất bản báo chí để truyền bá những ý tưởng mà ông nghĩ sẽ thúc đẩy quê hương của mình đi trên con đường mà Nhật Bản đã đi: tiến vào hiện đại. Nhưng việc tạo ra một quốc gia-dân tộc hiện đại đòi hỏi phải có một quốc gia có tên. Trong bài luận được đọc nhiều vào năm 1900 '*Về nguồn gốc của sự yếu kém của Trung Quốc*', LKS đã nhắc lại lời Trương Đức Di 30 năm trước, qua việc nói với độc giả của mình, 'Người nước ngoài gọi đất nước của chúng ta là "Cina" hoặc "China" nhưng đó không phải là cách chúng ta nhìn về bản thân mình.' Tuy nhiên, không giống như Di, LKS đặc biệt không hài lòng với cách truyền thống nói tới một nước theo vương triều cai trị nó: 'Đại Minh quốc' hoặc 'Đại Thanh quốc'. Ông e sợ rằng điều này hàm ý rằng không có đất nước Trung Quốc nào cả. Theo nhà Hán học người Úc John Fitzgerald, đối với LKS, việc thiếu một cái tên là bằng chứng cho sự non kém về văn hóa và trí tuệ của người Trung Quốc: LKS gọi đó là một lỗi ý niệm 'nằm trong não của mỗi người'.²²

Cái tên mà LKS chọn, thật ra là cái từ mà ông đã sử dụng cho 'China' trong tựa đề bài luận của mình, là *Trung Quốc*. Ông lấy ý tưởng trong lịch sử về *trung quốc*

state', with the implied meaning of 'centre of the world in the old hierarchical cosmology, and gave it a new purpose. *Zhongguo* would cease to represent a regional political system and become merely a name but a 'name' that he could argue had been used for centuries. *Zhong guo* the concept would be displaced by *Zhongguo* as a direct equivalent for the foreigners' word 'China'. This process of retaining a word while utterly changing its meaning was key to the entire process of constructing - inventing - modern China. Liang chose *Zhongguo* for entirely pragmatic reasons: it was a name that was already starting to be used by the Qing state in its relations with other countries. But as we have already seen, even this process was not as simple as it sounds. By choosing *Zhongguo* to represent the native home of the Chinese nation, Liang was unknowingly adopting something that was originally a foreign idea.

Zhongguo is now the name commonly used as the Chinese word for 'China', but in the first decade of the twentieth century it was only one of several candidates for that honour. It was challenged, in particular, by revolutionaries who had no interest in reforming the Qing state but wanted to tear it down. One of them was a young man called Zhang Binglin. Zhang had started his adult life training to be a classical scholar-official. However, after the Qing Great-State's defeat in the Sino-Japanese War of 1894/5 he had resigned and joined the Shanghai branch of Kang and Liang's reform movement. He started to write for reformist

như là 'nước trung tâm', với ý nghĩa ngụ ý là 'trung tâm của thế giới trong vũ trụ có thứ bậc cũ, và đặt cho nó một mục đích mới. *Trung Quốc* sẽ không còn đại diện cho một hệ thống chính trị khu vực và trở thành đơn thuần là một cái tên nhưng là một 'cái tên' mà ông có thể lí giải là đã được sử dụng trong nhiều thế kỉ. *Trung Quốc* khái niệm sẽ được thay thế bởi *Trung Quốc* như một từ tương đương trực tiếp với từ 'China' của người nước ngoài. Quá trình giữ lại một từ trong khi thay đổi hoàn toàn ý nghĩa của nó là chìa khóa cho toàn bộ quá trình xây dựng - sáng chế - ra Trung Quốc hiện đại. Siêu chọn tên *Trung Quốc* vì những lí do hoàn toàn thực dụng: nó là một cái tên đã được nhà Thanh bắt đầu sử dụng trong quan hệ với các nước khác. Nhưng như chúng ta đã thấy, ngay cả quá trình này cũng không đơn giản như nó có vẻ như vậy. Với việc chọn *Trung Quốc* để thể hiện cho quê hương của dân tộc Trung Quốc, LKS đã vô tình thừa nhận một thứ mà ban đầu vốn là một ý tưởng ngoại lai.

Zhongguo (*Trung Quốc*) hiện là cái tên thường được dùng như là từ tiếng Trung cho từ 'China', nhưng trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ 20, nó chỉ là một trong số những ứng viên cho vinh dự đó. Đặc biệt, nó đã bị thách thức bởi những nhà cách mạng không quan tâm đến việc cải cách nhà Thanh mà chỉ muốn phá bỏ nó. Một trong số họ là một thanh niên tên là Zhang Binglin (章炳麟: Chương Bình Lân). Lân đã bắt đầu việc đào tạo khi trưởng thành để trở thành một thư lại (tạm dịch scholar-official: quan chức học giả) cổ điển. Tuy nhiên, sau khi Nhà Thanh bị thua trong Chiến tranh Trung-Nhật năm 1894/5, ông đã từ chức và tham gia phong trào cải cách của KHV và LKS ở

newspapers and in 1896 became editor of Liang's Shi Wu Bao - 'Current Affairs Paper'. A difficult figure, Zhang repeatedly fell out with bosses, editors and officials and in late 1898, to escape the suppression of the 'Hundred Days' reformers, he fled to Taiwan (which had been under Japanese occupation since the end of the war in 1895). From there he wrote articles for Liang Qichao's next newspaper, *Qing Yi Bao* - 'The Pure Opinion Paper'. The paper was the mouthpiece of the *Bao Huang Hui* - "The Protect the Emperor Society - created by Kang Youwei and Liang to push for reform and, in particular, the restoration of the power of the Guangxu Emperor. In 1899, facing yet more troubles, Zhang moved to Japan at Liang's invitation and lived there for several months. Towards the end of the year, though, he moved to the International Settlement in Shanghai, to write for a newspaper with a more radical attitude, the *Su Bao* (蘇報).

Shanghai was the intellectual hub of the Qing realm: a bubble of Western capitalism and culture forced into a declining empire. The International Settlement, nine square miles of colonial territory, was a place where there was some basic freedom of speech. Connected to the world by shipping lines and to the rest of the country through networks of newspaper and book publishing, it was a city where ideas could be exchanged and sedition could survive.

chi nhánh Thượng Hải. Ông bắt đầu viết bài cho các tờ báo cải cách và năm 1896 trở thành biên tập viên của tờ *Shi Wu Bao* (時務報: *Thời Vụ Báo*) của LKS - 'báo về các vấn đề hiện tại'. Là một nhân vật khó tính, Lân nhiều lần bất đồng với chủ, biên tập viên và nhân viên, rồi vào cuối năm 1898, để thoát khỏi sự đàn áp các nhà cải cách 'Trăm ngày', ông trốn sang Đài Loan (vốn đã bị Nhật Bản chiếm đóng kể từ khi kết thúc chiến tranh năm 1895). Từ đó, ông viết bài cho tờ báo tiếp theo của LKS, *Thanh Nghị Báo* - 'báo ý kiến trong sáng'. Tờ báo là cơ quan ngôn luận của *Hội Bảo Hoàng* (保皇會: Bảo Hoàng Hội) - do KHV và LKS tạo ra để thúc đẩy cải cách và đặc biệt là khôi phục quyền lực của Hoàng đế Quang Tự. Năm 1899, đối mặt với nhiều rắc rối hơn, Lân chuyển đến Nhật Bản theo lời mời của LKS và sống ở đó vài tháng. Tuy nhiên, đến cuối năm đó, ông chuyển đến Khu định cư quốc tế ở Thượng Hải, để viết cho một tờ báo có thái độ cấp tiến hơn, tờ *Su Bao* (蘇報: Tô Báo).

Thượng Hải là trung tâm trí tuệ của vương quốc nhà Thanh: một bong bóng văn hóa và chủ nghĩa tư bản phương Tây áp đặt vào một đế chế đang suy tàn. Khu định cư quốc tế, chín dặm vuông lãnh thổ thuộc địa, là nơi có một quyền tự do ngôn luận cơ bản nào đó. Được kết nối với thế giới bằng các tuyến đường vận chuyển biển và với phần còn lại của đất nước qua mạng lưới xuất bản sách báo, đây là một thành phố mà ở đó các ý tưởng có thể được trao đổi và sự nổi loạn vẫn có thể sống sót.

Lân đã sống ở đó khi cuộc nổi dậy chống

Zhang was living there when the anti-foreigner uprising known in the West as the 'Boxer Rebellion' broke out. Foreigners were besieged in Beijing in June 1900 and an eight-nation army was despatched to rescue them. A summer of atrocities on both sides ended with defeat for the Boxers and the flight of the Qing court. Zhang remained aloof from the turmoil but his views about the Qing underwent radical change. As the foreign armies marched on Beijing, he abandoned his previous belief in reform and began to argue for the downfall of the Qing instead.²³ He became a revolutionary and would eventually split with Liang and Kang.

An important part of the change in Zhang's views was his growing belief in racialism. Having seen the failure of the Hundred Days Reform and the response to the Boxer Rebellion, he came to see the Qing rulers not simply as corrupt and incompetent but as alien. They were Manchus, outsiders from the northeast, who had seized the Ming realm in 1644 and therefore had no right to rule. By August 1901 he was arguing, in the country's first revolutionary student magazine *Guominbao*, that Liang's arguments for national unity were wrong because Manchus were fundamentally different, pointing out that 'Manchus have their own writing system', slept on felt mats and ate milk products.²⁴

While Zhang fulminated, the foreign

người nước ngoài được phương Tây gọi là 'Boxer Rebellion' (loạn Quyền phỉ) nổ ra. Người nước ngoài đã bị bao vây ở Bắc Kinh vào tháng 6 năm 1900 và liên quân 8 nước đã được điều động để giải cứu họ. Một mùa hè khốc liệt cho cả hai bên kết thúc với phe Quyền phỉ bị đánh bại và triều đình nhà Thanh bỏ chạy. Dù vẫn ở cách xa nơi loạn lạc nhưng quan điểm của Lân về nhà Thanh đã trải qua sự thay đổi căn bản. Khi liên quân nước ngoài bước chân đến Bắc Kinh, ông từ bỏ niềm tin trước đây của mình vào cải cách và thay vào đó bắt đầu lí giải về sự sụp đổ của nhà Thanh.²³ Ông trở thành một nhà cách mạng và cuối cùng tách khỏi LKS và KHV.

Một phần quan trọng của sự thay đổi trong quan điểm của Lân là niềm tin ngày càng tăng của ông vào thuyết chủng tộc. Sau khi chứng kiến sự thất bại của cuộc Cải cách Trăm ngày và phản ứng của Loạn quyền phỉ, ông đã đi đến việc thấy những người cai trị nhà Thanh không những tham nhũng và bất tài mà còn như những bọn ngoại lai. Họ là người Mãn, những người ngoại tộc từ phía đông bắc, đã chiếm được vương quốc của nhà Minh vào năm 1644 và do đó không có quyền cai trị. Vào tháng 8 năm 1901, ông đã tranh luận, trên tạp chí sinh viên cách mạng đầu tiên của đất nước *Guominbao* (國民報: Quốc Dân Báo), rằng lập luận của LKS về đoàn kết dân tộc là sai vì người Mãn khác biệt về cơ bản khi chỉ ra rằng 'người Mãn có hệ thống chữ viết riêng', ngủ trên thảm nỉ và ăn các món làm từ sữa.²⁴

Khi Chương Bỉnh Lân nổi giận, liên quân

armies remained in occupation in Beijing. They only departed in 1901 once the Qing court signed a peace agreement, the 'Boxer Protocol, in which it agreed to pay reparations to the imperial powers. Zhang was disgusted by the capitulation of people he had looked up to as reformers and became more committed to the need for revolution to rid his country of the Manchus who had so clearly failed it. To demonstrate the split he changed his name from Zhang Binglin to Zhang Taiyan. It was a public commitment to his new anti-Qing beliefs. 'Taiyan' honoured two scholars who had resisted the Qing takeover 250 years before: 'Tai' came from Taichong, the pen name of Huang Zongxi, and 'Yan' from Gu Yanwu.²⁵ Zhang saw these two 'Ming loyalists' as guardians of the true spirit of the country: heroes in the resistance to invaders from Inner Asia. By 1903 he was ready to criticise the emperor openly and directly – as well as those who still thought the Manchu/Qing regime could be reformed. This would lead him into new thinking about his country's future and its proper name.

Into this fevered setting stepped a young wannabe, Liu Shipei. In early 1903 Liu tried to become a bureaucrat for the Qing state but by the end of the year he would be trying to bring it down. One catalyst for his change in views would be a meeting with the freshly renamed Zhang Taiyan. Descended from a family of classical scholars on one side and government officials on the other, Liu was expected to proceed into the elite of the Qing state. In 1903, at the age of nineteen, the family

nước ngoài vẫn chiếm đóng ở Bắc Kinh. Họ chỉ rời đi vào năm 1901 sau khi triều đình nhà Thanh kí một hiệp định hòa bình, 'Hiệp ước Tân Sửu' (Boxer Protocol), đồng ý bồi thường cho các thế lực đế quốc. Lân cảm thấy tởm lợm trước sự đầu hàng của những người mà ông tôn như là nhà cải cách và trở nên quyết tâm hơn về sự cần thiết phải làm cách mạng để loại bỏ người Mãn, những kẻ đã thất bại rõ ràng, khỏi đất nước của mình. Để tỏ rõ sự tách biệt ông đã thay đổi tên từ Chương Bỉnh Lân thành Chương Thái Viêm (章太炎: Zhang Taiyan). Đó là một cam kết công khai đối với niềm tin phản Thanh mới của ông. 'Thái Viêm' nhằm tôn vinh hai học giả đã chống lại sự xâm chiếm của nhà Thanh 250 năm trước: 'Thái' từ tên Thái Xung (太衝), bút danh của Hoàng Tông Hi (黃宗羲), và 'Viêm' từ Cố Viêm Vũ (顧炎武).²⁵ Chương xem hai 'tôi trung của nhà Minh' này như những người bảo vệ tinh thần thực sự của đất nước: những anh hùng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ Nội Á. Đến năm 1903, ông sẵn sàng chỉ trích hoàng đế một cách công khai và trực tiếp - cũng như những người vẫn nghĩ rằng chế độ Mãn Thanh có thể được cải cách. Điều này sẽ dẫn ông đến những suy nghĩ mới về tương lai của đất nước và cái tên xứng hợp của nó.

Trong khung cảnh nóng bỏng này một chàng trai bước vào nhập bọn, Liu Shipei (劉師培: Lưu Sư Bồi). Vào đầu năm 1903, Bồi cố để trở thành một quan chức của nhà Thanh nhưng đến cuối năm đó, ông lại cố tìm cách lật đổ nó. Chấn xúc tác cho sự thay đổi quan điểm của Bồi là cuộc gặp gỡ với Chương Thái Viêm mới vừa đổi tên. Xuất thân từ một gia đình học giả cổ điển một mặt và từ quan chức chính phủ mặt khác, Bồi được kì vọng sẽ trở

despatched him to Beijing to take the *jinshi* imperial examination. He failed. Perhaps unwilling to face his disappointed parents, Liu did not return to his hometown of Yangzhou but travelled a further 200 kilometres downstream along the Yangtze River to Shanghai. There he met the thirty-three-year-old Zhang Taiyan, already a veteran of the struggle for political reform and disappointed with its failure. Zhang had broken with the Qing and was ready to take the revolutionary road. He took Liu with him. Almost overnight Liu changed from a potential servant of the Qing state into an agitator seeking its destruction.²⁶

In mid-1903 Zhang made use of the relative freedom within the International Settlement to challenge the Qing directly. In an article in the *Su Bao* newspaper entitled 'In rebuttal of Kang Youwei's writings on revolution', he accused the emperor of, among other things, being a 'dimwitted buffoon'.²⁷ As a result, the Qing court issued a warrant for his arrest and on 30 June 1903 Zhang allowed himself to be captured by the International Settlement police - partly to demonstrate his commitment to the revolutionary cause,²⁸ but partly to avoid being captured by the Qing who would probably have sentenced him to death. Instead, he was convicted of seditious libel and sentenced to three years in a British-run prison where, ironically, conditions were so harsh that he contemplated suicide. He found succour in Buddhism and his increasingly anti-Manchu feelings.

Meanwhile, his young friend Liu Shipei was about to embark on his own anti-Manchu writing career. In 1904, at

thành tầng lớp ưu tú của nhà Thanh. Năm 1903, ở tuổi 19, gia đình gửi ông đến Bắc Kinh để tham gia kì thi *tiến sĩ* (*jinshi*) ở triều đình. Ông đã trượt. Có lẽ không muốn phải đối mặt với sự thất vọng của cha mẹ, Lưu Sư Bồi không trở về quê hương ở Dương Châu mà đi xa hơn 200 km về phía hạ lưu sông Dương Tử để đến Thượng Hải. Tại đó, ông gặp Chương Thái Viêm (CTV), 33 tuổi, đã là một cựu binh trong cuộc đấu tranh đòi cải cách chính trị và thất vọng vì thất bại của nó. CTV đã đoạn tuyệt với nhà Thanh và sẵn sàng đi theo con đường cách mạng. CTV nhận Bồi theo cùng. Gần như chỉ sau một đêm, Bồi đã thay đổi từ một tôi thân tiếm năng của nhà Thanh thành một kẻ kích động tìm cách hủy diệt chế độ này.²⁶

Vào giữa năm 1903, CTV đã sử dụng quyền tự do tương đối trong Khu định cư quốc tế để trực tiếp thách thức nhà Thanh. Trong một bài báo trên tờ *Su Bao* (蘇報: Tô Báo) có tựa đề 'Phản bác các bài viết của KHV về cách mạng', ông đã cáo buộc hoàng đế là 'kẻ lừa đảo mờ ám' cùng với những điều khác.²⁷ Do đó, triều đình nhà Thanh đã ra lệnh bắt ông và vào ngày 30 tháng 6 năm 1903 CTV tự để cho cảnh sát Khu định cư quốc tế bắt - một phần để thể hiện sự hết lòng của mình với sự nghiệp cách mạng,²⁸ nhưng một phần là để tránh bị nhà Thanh bắt và có thể bị kết án tử hình. Thay vì vậy, ông bị kết tội xúi giục bạo loạn và bị kết án ba năm trong một nhà tù do Anh điều hành, nơi mà trở trêu thay, điều kiện khắc nghiệt đến mức ông định tự tử. Ông tìm thấy sự cứu rỗi ở Phật giáo và ở tình cảm phản Thanh ngày càng tăng của ông.

Trong khi đó, người bạn trẻ Lưu Sư Bồi (LSB) của ông chuẩn bị dấn thân vào sự nghiệp viết bài phản Thanh của riêng

the age of just twenty, Liu published his first work, *Rangshu* – 'The Book of Expulsion'. As the German Sinologist Julia Schneider has pointed out, the phrase "Rang Yi – 'expel the barbarians' - would have been well known to Liu's contemporaries. Rulers had uttered it in various historical tales handed down through the preceding millennia. Liu's book was intended to 'expel the barbarians from Chinese history, as a prelude to expelling them from the country itself. This led him to consider what the most appropriate name for his liberated country should be.

In the *Rangshu*, Liu listed several possibilities based upon traditional documents. They included: Xia, Da Xia (great Xia), Zhu Xia (various Xia), Zhu Hua (various Hua) and the combination word: Huaxia. In the book, Liu stated that he wanted a name that would provide a border to his nation: one that made clear the difference between his people on the inside and aliens on the outside. He wanted a name that was truly authentic, dating back to a time before the Qin Dynasty, whom he saw as usurpers. He chose a name from the *Shan hai jing*, a classical text of this period. 'If [we want] to distinguish ourselves from the Yi (barbarians) of the four (directions),' he argued, 'we can only use *Da Xia* as a country name.'²⁹ Liu felt that *Da Xia* referred to an ancient civilisation, a pure people free from outside rulers - a fitting name for a future country free of the Qing.

On 24 November 1894, two months after

mình. Năm 1904, khi mới 20 tuổi, Bồi công bố công trình đầu tiên của mình, *Rangshu* - '攘夷: Nhung thư'. Như nhà Hán học người Đức Julia Schneider đã chỉ ra, cụm từ "Rang Yi" (攘夷: nhung Di) - 'loại bỏ bọn Di' - hẳn là rất quen thuộc đối với những người cùng thời với LSB. Các nhà cai trị đã nói điều đó trong nhiều câu chuyện lịch sử được lưu truyền qua nhiều thiên niên kỷ trước. Cuốn sách của LSB có ý muốn 'loại bỏ bọn man di khỏi lịch sử Trung Quốc, như là khúc dạo đầu để loại bỏ họ ra khỏi đất nước. Điều này khiến ông phải cân nhắc xem cái tên thích hợp nhất cho đất nước được giải phóng của mình sẽ là gì.

Trong *Nhung thư*, LSB đã liệt kê một số khả năng dựa trên các tài liệu lưu truyền. Chúng bao gồm: *Hạ*, *Đại Hạ*, *Chư Hạ* (nhiều *Hạ*), *Chư Hoa* (nhiều *Hoa*) và từ kết hợp: *Hoa Hạ*. Trong cuốn sách đó, Lưu nói rằng ông muốn một cái tên có thể đưa ra đường biên giới cho đất nước của mình: một cái tên thể hiện rõ sự khác biệt giữa người ở bên trong và người xa lạ ở bên ngoài. Ông muốn có một cái tên đích thực thật sự, có từ thời trước nhà Tần vốn bị ông coi là triều đại soán đoạt. Ông đã chọn một cái tên từ *Sơn hải kinh*, một sách cổ điển của thời kì này. Ông lập luận: 'Nếu [chúng ta muốn] phân biệt mình với bọn Di (man rợ) ở bốn (phía), thì chúng ta chỉ có thể sử dụng *Đại Hạ* làm tên đất nước.'²⁹ LSB cảm thấy rằng *Đại Hạ* chỉ một nền văn minh xưa, một dân tộc thuần khiết không bị kẻ ngoại lai cai trị - một cái tên phù hợp cho một đất nước tương lai không có nhà Thanh.

Ngày 24 tháng 11 năm 1894, hai tháng

Japanese forces had destroyed the Qing navy, three days after they had captured the Liaodong Peninsula and two weeks after his own twenty-eighth birthday, Sun Wen, his elder brother and a few of their friends met on a Pacific island to swear a revolutionary oath. They would, they pledged, expel the Tartars, revive China and establish a unified government. This was the manifesto agreed at the first meeting of the *Xing Zhong Hui* - literally '*Revive the Centre Society*', a group that would evolve from these tiny beginnings into the organisation that, seventeen years later, overthrew the Qing Great-State. By then Sun Wen would be better known as Sun Zhongshan or Sun Yat-sen.

Sun's family had sent him to Hawaii at the age of thirteen, after which he studied in Hong Kong. Almost all his teachers had been British or American³⁰ and, like the other members of the *Xingzhonghui* meeting that day in Hawaii, he spoke English and was well used to people asking him where he came from. When he answered the question in English, he had an answer - 'China'. That must have given him reason to think about the answer he would give in Chinese.

While a medical student in Hong Kong, Sun had developed a fierce hostility towards the Qing authorities. He watched them lose the 1884/5 conflict with France over the status of Vietnam while being simultaneously impressed by militant shipyard workers in Kowloon who refused

sau khi quân Nhật tiêu diệt hải quân nhà Thanh, ba ngày sau khi họ chiếm được bán đảo Liêu Đông và hai tuần sau sinh nhật thứ 28 của chính ông, Tôn Văn, cùng anh của ông và một vài người bạn của họ đã gặp nhau trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương để tuyên thệ làm cách mạng. Họ cam kết sẽ đánh đuổi người Thát Đát (Tartars), khôi phục Trung Quốc và thành lập một chính phủ thống nhất. Đây là tuyên ngôn đã được đồng ý tại cuộc họp đầu tiên của *Xing Zhong Hui* (興中會: Hưng Trung hội) - nghĩa đen là 'Hội phục hưng trung tâm', một nhóm sẽ phát triển từ những khởi đầu bé nhỏ này thành tổ chức mà 17 năm sau, lật đổ Đại Thanh quốc. Lúc đó Tôn Văn sẽ được biết đến nhiều hơn với cái tên Tôn Trung Sơn hoặc Tôn Dật Tiên.

Gia đình của Tôn Văn đã gửi ông đến Hawaii khi ông 13 tuổi, sau đó ông học ở Hong Kong. Hầu hết các giáo viên của ông đều là người Anh hoặc người Mỹ³⁰ và, giống như các thành viên khác trong cuộc họp *Hưng Trung hội* ngày hôm đó ở Hawaii, ông nói tiếng Anh và rất quen với việc mọi người hỏi ông gốc gác từ nước nào. Khi trả lời câu hỏi bằng tiếng Anh, ông đã có cách trả lời - 'China'. Điều đó hẳn cho ông lí do để nghĩ về câu trả lời mà ông sẽ đưa ra bằng tiếng Trung.

Khi còn là sinh viên y khoa ở Hồng Kông, Tôn Văn đã nảy sinh một thái độ thù địch gay gắt với chính quyền nhà Thanh. Ông đã nhìn thấy họ bị thua trong tranh chấp 1884/5 với Pháp về địa vị của Việt Nam trong khi đồng thời bị ấn tượng bởi các công nhân nhà máy đóng tàu ở Kowloon (Cửu Long), từ chối làm việc trên một tàu

to work on a French warship that had been damaged in the fighting. Sun was certainly not going to call his country *Da Qing Guo*. But the name that he and his revolutionary comrades chose for their country was not *Zhongguo* but *Zhonghua*. In this he was making a direct reference to history - and one with clear racial meaning to those who understood it.

The oath that the *Xingzhonghui* swore was borrowed from Zhu Yuanzhang, the founder of the Ming Dynasty. During his struggle against the Mongols in the fourteenth century, Zhu had used the slogan 'Expel the Tartars and revive *Zhonghua*'.³¹ By adopting this pledge, Sun and his fellow revolutionaries were declaring that the Qing rulers, with their roots in the Manchuspeaking northeast, were 'Tartars' too. In their eyes, the Manchus were the same as the Mongols: outsiders from Inner Asia who had no right to rule the *zhong guo*.

The historian Peter Zarrow notes that *Zhonghua* - with its linguistic roots in *Huaxia* - has a more ethnic meaning than *Zhongguo*. As Lydia Liu has observed, it appears to describe a land for the *Hua* people - and thereby implicitly excludes the 'Tartars'. This would have been appealing to the revolutionaries who saw the 'foreign' Qing as the cause of *Zhonghua*'s modern troubles. The revolutionaries may also have become prejudiced against the name *Zhongguo* by the simple fact that the Qing themselves were starting to use it in their

chiến của Pháp đã bị hư hại khi đánh trận. Tôn Văn chắc chắn sẽ không gọi đất nước của mình là *Đại Thanh Quốc*. Nhưng cái tên mà ông và các đồng chí cách mạng chọn cho đất nước họ không phải là *Zhongguo* (Trung Quốc) mà là *Zhonghua* (Trung Hoa). Trong tên đó, ông đưa ra một quy chiếu trực tiếp đến lịch sử - và một quy chiếu có ý nghĩa chủng tộc rõ ràng đối với những ai hiểu nó.

Lời thề mà *Hưng Trung hội* đã tuyên thệ được mượn từ Chu Nguyên Chương, người sáng lập ra nhà Minh. Trong cuộc đấu tranh chống Mông Cổ vào thế kỷ 14, Chu Nguyên Chương đã sử dụng khẩu hiệu 'Đánh đuổi bọn Thát Đát và phục hưng *Trung Hoa*'.³¹ Qua việc chọn lấy lời thề này, Tôn Văn và các đồng đội cách mạng khẳng định rằng vua quan nhà Thanh, có gốc gác từ vùng Đông Bắc nói tiếng Mãn, cũng là 'người Thát Đát'. Trong mắt họ, người Mãn cũng giống như người Mông Cổ: những kẻ bên ngoài từ Nội Á đến không có quyền cai trị *trung quốc*.

Nhà sử học Peter Zarrow lưu ý rằng *Trung Hoa* - với nguồn gốc ngôn ngữ ở *Hoa Hạ* - có ý nghĩa về chủng tộc hơn là *Trung Quốc*. Như Lydia Liu nhận xét, nó dường như mô tả một vùng đất dành cho người *Hoa* - và do đó ngầm loại người 'Thát Đát' ra. Điều này sẽ hấp dẫn các nhà cách mạng coi nhà Thanh 'ngoại lai' như là nguyên nhân gây ra những rắc rối hiện đại của *Trung Hoa*. Các nhà cách mạng này cũng có thể trở nên có thành kiến với cái tên *Trung Quốc* bởi sự kiện đơn giản là chính nhà Thanh đã bắt đầu sử dụng nó trong các giao dịch ngoại

diplomatic dealings.

Over the following decade, the *Xingzhonghui* would try, and fail, several times to overthrow the Qing by force. After the defeat of its uprisings, it merged, in 1905, with other revolutionary groups to create the Tongmenghui - the 'Alliance Society'. The actual formation took place in Tokyo and the united leadership decided to keep two of the *Xingzhonghui*'s original demands and add two more. Its slogan became, 'Expel the Tartars, revive Zhonghua, establish a Republic, and distribute land equally among the people'.

The *Tongmenghui* adopted this position during the years that Zhang Taiyan was in prison in Shanghai. They recognised that Zhang would be a powerful advocate for their group and sent a delegation of activists to greet him when he was released in late June 1906. They offered him the job of editor-in-chief of the Tongmenghui's magazine *Min Bao* - 'People's Journal'³² - and took him immediately to the Shanghai docks and then to Japan where he was given a hero's welcome. On 15 July 1906, around 2,000 people, mainly Chinese students, turned out in the Tokyo rain to attend a meeting in his honour.³³ Almost exactly a year later he would announce his own candidate for the future name of the country and his would be the one that stuck. Zhang filled the pages of *Minbao* with the fruit of his incarcerated thinking: making the case for the anti-Manchu

giao của họ.

Trong thập kỉ sau đó, *Hưng Trung hội* đã nhiều lần cố gắng lật đổ nhà Thanh bằng vũ lực và thất bại. Sau thất bại của các cuộc nổi dậy, vào năm 1905 hội này đã hợp nhất với các nhóm cách mạng khác để lập ra *Đồng Minh hội* - 'Hội Đồng minh'. Việc hình thành thực tế diễn ra ở Tokyo và ban lãnh đạo hợp nhất đã quyết định giữ nguyên hai yêu cầu ban đầu của *Hưng Trung hội* và bổ sung thêm hai yêu cầu khác. Khẩu hiệu của nó đã trở thành, 'Đánh đuổi bọn Thát Đát, phục hưng Trung Hoa, thiết lập một nền Cộng hòa, và phân phối đất đai đồng đều cho dân chúng'.

Đồng Minh hội theo đuổi lập trường này trong suốt những năm mà Chương Thái Viêm bị cầm tù ở Thượng Hải. Họ nhận ra rằng CTV sẽ là một người ủng hộ mạnh mẽ cho nhóm của họ và đã cử một phái đoàn các nhà hoạt động đến chào đón ông khi ông được thả vào cuối tháng 6 năm 1906. Họ cho ông làm tổng biên tập *Dân Báo*³² - của *Đồng minh hội* và ngay lập tức đưa ông đến bến tàu Thượng Hải và sau đó đến Nhật Bản, mà ở đó ông được chào đón như một anh hùng. Vào ngày 15 tháng 7 năm 1906, khoảng 2 000 người, chủ yếu là sinh viên Trung Quốc, đã đổ về Tokyo để tham dự một cuộc họp tôn vinh ông.³³ Gần đúng một năm sau, ông công bố đề xuất của riêng mình cho cái tên tương lai của đất nước và đề xuất của ông sẽ là cái tên bị ghen lại. CTV đã lấp đầy các trang của *Dân Báo* với thành quả của suy nghĩ lúc ở trong tù: lí giải vì sao phải làm cách mạng phản Thanh. Trong một bài luận dài

revolution. In a long essay published in 1907 he addressed the question of what the country should be called once the revolution had been successful. Since the Qing were to be deposed and expelled, it was clear that it could not be called *Da Qing Guo*. Nor did Zhang support Liang's *Zhongguo*. '*Zhongguo* is meaningful only insofar as it refers to the four outlying boundaries,' he wrote, and he argued that since Indians and Japanese also used terms similar to 'central state' for their own countries, 'it is not unique to the land of the Han'.³⁴ (See Chapter 3 for more on the development of the term 'Han'.)

By this time, Liu Shipei had also arrived in Japan. Once there, he declared himself to be an anarchist and also contributed to the pages of *Minbao*. But he failed to persuade the movement to adopt *Da Xia* as the name for the yet-to-be-created country. Zhang argued for an ethnically based name, just like Liu, but he wanted to make a distinction between the name of the state and the name of the race that inhabited the state. Zhang felt *Xia* was the correct term for the race, based upon its origins along the Xia River. But in that 1907 article he wrote that it was 'originally the name of a tribe, not a state', which is why, disagreeing with both Liu and Huang Zunxian, he didn't want *Xia* as the name for the modern country.

Instead, Zhang Taiyan argued that *Hua* - literally meaning 'efflorescence' but carrying the connotation of 'civilised' - was a better choice. According to Julia

xuất bản năm 1907, ông đã đề cập đến câu hỏi đất nước nên được gọi là gì một khi cách mạng thành công. Vì nhà Thanh phải bị lật đổ và đánh đuổi nên rõ ràng là đất nước không thể được gọi là *Đại Thanh Quốc*. CTV cũng không ủng hộ cái tên *Trung Quốc* của LKS. '*Trung Quốc* chỉ có ý nghĩa trong chừng mực nó chỉ bốn ranh giới bên ngoài,' ông viết, và ông lập luận rằng vì người Ấn Độ và Nhật Bản cũng sử dụng các từ ngữ tương tự như 'nước trung tâm' cho nước của họ nên 'tên đó không phải là duy nhất cho đất của người Hán'.³⁴ (Xem Chương 3 để biết thêm về sự phát triển của từ 'Hán'.)

Vào lúc đó, Lưu Sư Bồi cũng đã đến Nhật. Ở đó, ông tuyên bố mình là một người theo chủ nghĩa vô chính phủ và cũng đóng góp cho các trang của *Dân Báo*. Nhưng ông đã thất bại trong việc thuyết phục phong trào lấy *Đại Hạ* làm tên cho đất nước chưa được thành lập. Chương đã biện giải cho một cái tên dựa trên chủng tộc, giống như LSB, nhưng ông lại muốn phân biệt tên quốc gia với tên chủng tộc sinh sống trong quốc gia đó. CTV cảm thấy *Hạ* là từ chính xác cho cuộc đua, dựa trên nguồn gốc của nó dọc theo sông Hạ. Nhưng trong bài báo năm 1907 đó, ông viết rằng *Hạ* 'ban đầu là tên của một bộ lạc, không phải một nước,' đó là lí do tại sao dù không đồng ý với cả LSB lẫn Hoàng Tuấn Hiến, ông không muốn dùng *Hạ* làm tên cho đất nước hiện đại.

Thay vì vậy, Chương Thái Viêm lập luận rằng *Hoa* - nghĩa đen là 'sự nở hoa' nhưng mang hàm ý 'văn minh' - là lựa chọn tốt hơn. Theo Julia Schneider, nó có

Schneider, it had an implicitly ethnic meaning among the exiled revolutionaries during this period, since they argued that Manchus could not be part of the Hua population. Zhang then offered a pseudo-historical explanation for his choice: 'The name Hua came from the place which our people first occupied.... Mount *Hua* (*Hua Shan* in Shaanxi province) formed the boundary, giving our country the name *Hua*.... *Hua* was originally the name of a country and not the name of a race but today it has become a general term for both.'³⁵ According to Schneider, Zhang preferred *Hua* because it referred to what he regarded as the nucleus of the new state while also being sufficiently flexible. 'It could be stretched over the territory of all Chinese people, including those Zhang assumed to have been assimilated' in the northwestern provinces of Yong and Liang as well as parts of modern-day Korea and Vietnam - places where, in Zhang's words, 'the Hua people tilled the soil' in Han Dynasty times, 2,000 years earlier.

Zhang then added *Zhong* to the name, calling it *Zhonghua*, or 'central Hua'. This was, he declared, intended 'to distinguish between the Hua high culture and the Yi [barbarian] low culture'.³⁶ A final piece of the name was needed to satisfy the part of the *Tongmenghui*'s slogan about 'establish a republic' so the word *Min-Guo* was coined - literally 'people's state'. By the end of the article, the post-Qing country had a name - *Zhonghua Minguo*, literally the 'Central Efflorescence People's State'.

As Peter Zarrow has observed, Zhang,

một ý nghĩa dân tộc tiềm ẩn trong những người cách mạng lưu vong trong thời kì nguy hiểm này, vì họ cho rằng người Mãn không thể là một phần của người Hoa. CTV sau đó đưa ra một lời giải thích mang tính giả lịch sử cho sự lựa chọn của mình: 'Cái tên *Hoa* xuất phát từ nơi mà dân ta cư trú đầu tiên.... Núi *Hoa* (*Hoa Sơn* ở tỉnh Thiểm Tây) đã tạo thành ranh giới, cho đất nước chúng ta cái tên là *Hoa*.... *Hoa* ban đầu là tên của một đất nước chứ không phải là tên của một chủng tộc nhưng ngày nay nó đã trở thành một tên chung cho cả hai.'³⁵ Theo Schneider, CTV thích từ *Hoa* hơn vì nó chỉ đến cái mà ông coi là hạt nhân của quốc gia mới đồng thời cũng đủ linh hoạt. 'Nó có thể được căng rộng ra khắp trên lãnh thổ của tất cả dân Trung Quốc, bao gồm cả những người mà CTV cho rằng đã bị đồng hóa' ở các tỉnh Ung (雍州) và Lương (涼州) phía tây bắc cũng như các bộ phận của Triều Tiên và Việt Nam ngày nay - những nơi mà theo cách nói của Chương là 'người Hoa đã cấy cày' vào thời nhà Hán, 2 000 năm trước đó.

CTV sau đó thêm từ *Trung* vào tên này, gọi nó là *Trung Hoa*, hoặc 'Hoa trung tâm'. Ông tuyên bố, điều này nhằm 'phân biệt văn hóa Hoa cao cả với văn hóa Di [man rợ] thấp kém'.³⁶ Cần có một phần cuối cùng của tên để thỏa mãn một phần trong khẩu hiệu của *Đồng minh hội* về 'thiết lập một nền cộng hòa' nên từ *Dân Quốc* được đặt ra - nghĩa đen là 'nước của nhân dân'. Ở phần cuối của bài viết, đất nước thời hậu Thanh có một cái tên - *Trung Hoa Dân Quốc*, nghĩa đen là 'nước Nhân dân Hoa nở trung tâm'.

having endured prison, had enormous prestige in revolutionary circles and his arguments carried particular weight. In the wake of his 1907 article, the debate over the future name of the future country was finished, certainly within the revolutionary camp. While Liang Qichao might stick to his reformist agenda and to *Zhongguo*, the *Tongmenghui* had opted for *Zhonghua Minguo*, with its roots in the anti-Mongol, Ming Dynasty declaration of Zhu Yuanzhang 500 years earlier. Liang continued to regard Sun and the revolutionaries as Western-educated upstarts who didn't understand history or culture, but that didn't matter. They were going to seize power - and he wasn't.

Liu, meanwhile, abandoned his anarchistic pretensions, returned to his homeland and pledged allegiance to the Qing. In 1908 he began working as private secretary to the viceroy of Zhejiang and Anhui provinces where, by some accounts, he informed on his former comrades in the revolutionary movement. While Zhang Bingling/Taiyan eventually changed his views on race, deciding that non-Xia peoples needed to be included in the *Zhonghua Minguo*, Liu remained firm. He continued to believe that including the non-Xia would pollute the Xia. But he would play no further part in the naming debate.

These were arguments taking place among a tiny group of people living in exile in Japan, across the sea from the country they were discussing in such

Như Peter Zarrow đã nhận xét, CTV, từng chịu cảnh tù đầy, có uy tín to lớn trong giới cách mạng và những lập luận của ông có sức nặng đặc biệt. Sau bài báo năm 1907 của ông, cuộc tranh luận về cái tên tương lai của đất nước tương lai đã kết thúc, chắc chắn là trong phe cách mạng. Trong khi LKS có thể bám chặt vào chương trình cải cách của mình và vào từ *Trung Quốc*, Đồng minh hội đã chọn *Trung Hoa Dân Quốc*, với nguồn gốc từ tuyên bố của nhà Minh chống Mông Cổ, của Chu Nguyên Chương 500 năm trước đó. LKS tiếp tục coi Tôn Văn và những nhà cách mạng là những người mới nổi được giáo dục ở phương Tây không hiểu lịch sử hay văn hóa, nhưng điều đó chẳng thành vấn đề. Họ sẽ nắm quyền - còn ông thì không.

Trong khi đó, Lưu Sư Bồi từ bỏ những kỳ vọng vô chính phủ của mình, trở về quê hương và cam kết trung thành với nhà Thanh. Năm 1908, ông bắt đầu làm thư kí riêng cho tổng đốc tỉnh Chiết Giang và An Huy, nơi mà theo một số lời kể, ông đã tiết lộ thông tin về các đồng chí cũ của mình trong phong trào cách mạng. Trong khi Chương Bỉnh Lân / Thái Viêm cuối cùng đã thay đổi quan điểm của mình về chủng tộc, quyết định rằng các tộc không-Hạ cần phải được bao gồm trong *Trung Hoa Dân Quốc*, Bồi thì vẫn kiên định. Ông tiếp tục tin rằng việc bao gồm cả những người không-Hạ sẽ dây bẩn người Hạ. Nhưng ông không tham gia thêm vào cuộc tranh luận đặt tên.

Đó là những tranh luận diễn ra trong một nhóm nhỏ những người sống lưu vong ở Nhật Bản, cách đất nước bên kia biển mà

vehement terms. But within five years China had had a revolution and, on 1 January 1912, Sun Yat-sen was declared provisional president of the Republic of China - *the Zhonghua Minguo*. Liang Qichao's choice - *Zhongguo* - may not have become the name of the new state, but it won a better prize. It may not be the official name of the country, but it is the name all Chinese use informally to refer to it. But then again, perhaps that honour really belongs to the Jesuits.

That Friday evening in Beijing, as the assembled heads of government raised their glasses to toast Xi Jinping's version of history, they were unknowingly performing an act of circularity. They were there to validate an image of China as the natural leader of East Asia, an image which was constructed by foreigners in the first place, belatedly adopted by Chinese nationalists and now, through their presence, projected back to the world by the Communist Party leadership. The idea of Beijing as the central city of a regional order is not new. Most of those orders were, however, Inner Asian great-states that used Beijing as an administrative centre. The idea of a regional order led by a state called 'China' or *Zhongguo* or *Zhonghua* existing in a defined East Asian territory is a distinctly modern invention.

Westerners probably first heard of China

họ đang thảo luận bằng những lời lẽ gay gắt như vậy. Nhưng trong vòng 5 năm Trung Quốc đã có một cuộc cách mạng và vào ngày 1 tháng 1 năm 1912, Tôn Dật Tiên được tuyên bố là tổng thống lâm thời của *Trung Hoa Dân Quốc* - *Zhonghua Minguo*. Lựa chọn của LKS - *Trung Quốc* - có thể không trở thành tên của quốc gia mới, nhưng nó đã giành một vinh dự tốt hơn. Đó có thể không phải là tên chính thức của đất nước, nhưng lại là tên mà tất cả người Trung Quốc sử dụng một cách không chính thức để nói tới nó. Nhưng một lần nữa, có lẽ vinh dự đó thật ra lại thuộc về các tu sĩ Dòng Tên.

Tối thứ Sáu hôm đó tại Bắc Kinh, khi những người đứng đầu chính phủ tụ tập nâng li chúc mừng phiên bản lịch sử của Tập Cận Bình, họ đã vô tình thực hiện một hành động đi vòng trở lại. Họ ở đó để chứng thực hình ảnh Trung Quốc như là nước lãnh đạo tự nhiên của Đông Á, một hình ảnh được xây dựng bởi người nước ngoài ngay từ đầu, được những người theo chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc chấp nhận muộn màng và bây giờ, qua sự hiện diện của họ, được ban lãnh đạo Đảng Cộng sản tung trở lại thế giới. Ý tưởng về Bắc Kinh là thành phố trung tâm của trật tự khu vực không phải là mới. Tuy nhiên, hầu hết các trật tự đó là của các quốc gia lớn Nội Á sử dụng Bắc Kinh làm trung tâm hành chính. Ý tưởng về một trật tự khu vực do một quốc gia được gọi là 'China' hoặc *Trung Quốc* hoặc *Trung Hoa* đứng đầu tồn tại trên một lãnh thổ Đông Á xác định là một sáng chế hiện đại rõ rệt.

Có lẽ lần đầu tiên người phương Tây

through the translations of peoples living along the frontier with India, and of Cathay through their interactions with Inner Asia. 'China' became shorthand for an East Asian kingdom about which little was known. When the first traders reached the mysterious country they were bemused by its different political outlook. As Galeote Pereira and Matteo Ricci discovered, there was no conception of 'China' within the country in the mid-sixteenth century, and the phrase '*zhong guo*' was an elite assertion of political superiority over surrounding, tributary, rulers rather than the name of a state. The inhabitants assumed their state ruled 'all under heaven' - *tianxia*.

The idea of the '*zhong hua*' continues to drive China's internal policies. It encapsulates the notion of a homeland that can expand as its culture encounters new peoples, and transforms and assimilates them. As we shall see in subsequent chapters, what Arif Dirlik called 'proprietary perceptions' - a sense of ownership - still drive Beijing's policies towards minority regions under its control.³⁷ As a result, the former regions of the Miao, the Manchu and the Mongols are now regarded as lands of the *Hua*. On the other hand, cultural struggles continue in Tibet and Xinjiang. The troubles with Taiwan and Hong Kong can also be traced back to a sense of the 'natural' cultural boundary of the *zhong hua*.

It took until the end of the nineteenth

nghe đến Trung Quốc qua các cách dịch của các dân tộc sống dọc biên giới với Ấn Độ, và về Cathay qua các giao dịch của họ với Nội Á. 'China' trở thành tên tắt của một vương quốc Đông Á ít được biết đến. Khi những thương nhân đầu tiên tới được đất nước bí ẩn này, họ bị kinh ngạc bởi quan điểm chính trị khác biệt của nó. Như Galeote Pereira và Matteo Ricci đã phát hiện ra, không có khái niệm 'China' trong phạm vi đất nước này vào giữa thế kỉ 16, và cụm từ '*trung quốc*' là một sự khẳng định của giới tinh hoa về ưu thế chính trị so với những người cai trị triều cống xung quanh, hơn là tên gọi của một quốc gia. Cư dân cho rằng quốc gia của họ cai trị 'mọi thứ dưới bầu trời' - *thiên hạ*.

Ý tưởng về '*trung hoa*' tiếp tục thúc đẩy các chính sách đối nội của Trung Quốc. Nó bao hàm khái niệm về một quê hương có thể mở rộng khi nền văn hóa của nó gặp gỡ những dân tộc mới, và biến đổi, đồng hóa họ. Như chúng ta sẽ thấy trong các chương tiếp theo, cái mà Arif Dirlik gọi là 'nhận thức làm chủ' - ý thức về quyền sở hữu - vẫn thúc đẩy các chính sách của Bắc Kinh đối với các vùng thiểu số dưới sự kiểm soát của họ.³⁷ Kết quả là các vùng trước đây của người Miêu, người Mãn và người Mông Cổ bây giờ được coi là vùng đất của người *Hoa*. Mặt khác, các cuộc đấu tranh văn hóa vẫn tiếp tục ở Tây Tạng và Tân Cương. Những rắc rối với Đài Loan và Hong Kong cũng có thể được truy từ một ý thức về ranh giới văn hóa 'tự nhiên' của *trung hoa*.

Phải đến cuối thế kỉ 19, cách nhìn Châu Âu về TQ mới được cấy vào đầu của

century for the European vision of China to become implanted in the minds of the Qing political elite. A crucial role was played by those in exile - whether in Japan, the West or Southeast Asia - looking back on their homeland with sensibilities acquired outside of it. They were the ones who translated international ideas about a place called 'China' into a place called <i>Zhongguo</i>. They came to see their state as outsiders see it - as a bounded state with a defined territory. In order to do so they had to come to terms with the Western notions of nation, history, geography and, above all, sovereignty - to which we turn next.	tầng lớp ưu tú nhà Thanh. Những người sống lưu vong - dù ở Nhật Bản, phương Tây hay Đông Nam Á - đóng một vai trò quan trọng khi ngoái nhìn về quê hương với những nhạy cảm có được bên ngoài. Họ là những người đã dịch những ý tưởng quốc tế về một nơi được gọi là 'China' thành một nơi gọi là <i>Trung Quốc</i>. Họ đi đến việc thấy quốc gia của họ như những người bên ngoài thấy nó - như một quốc gia có giới hạn với một lãnh thổ xác định. Để làm được như vậy, họ phải tuân theo các quan niệm của phương Tây về quốc gia, lịch sử, địa lí và trên hết là chủ quyền - mà chúng ta sẽ chuyển sang đó ở chương kế tiếp.
--	--

1. Xi Jinping, Toast at the Welcoming Banquet of The Second Belt and Road Forum for International Cooperation, Beijing, 26 April 2019, <https://www.chinadaily.com.cn/a/201904/27/WS5d9d3688a310cf3e3556f508.html>
2. Matthias Mertens, "Did Richthofen really coin "The Silk Road"?", *The Silk Road*, vol. 17 (2019); Tamara Chin, "The Invention of the Silk Road, 1877", *Critical Inquiry*, 40/1 (2013), pp. 194-219, doi:10.1086/673232.
3. C. R. Boxer (ed.), *South China in the Sixteenth Century: Being the Narratives of Galeote Pereira, Fr. Gaspar de Cruz, O.P., Fr. Martin de Rada, O.E.S.A.*, London: The Hakluyt Society, second series, 106, 1953.
4. Matteo Ricci, *China in the Sixteenth Century: The Journals of Matthew Ricci, 1583-1610*, compiled by Nicholas Trigault, translated from the Latin by Louis Gallagher, New York: Random House, 1953, pp. 6–7.
5. Richard J. Smith, *Mapping China and Managing the World: Culture, Cartography and Cosmology in Late Imperial Times*, New York: Routledge, 2013.
6. Peter K. Bol, 'Middle-period Discourse on the Zhong Guo: The Central Country', in *Hanxue Yanjiu (Chinese Studies)*, Taipei: Center for Chinese Studies, 2009, pp. 61– 106.
7. Denis Twitchett, John King Fairbank and Michael Loewe, *The Cambridge History of China: Volume 1, The Ch'in and Han Empires, 221 BC-AD 220*, Cambridge: Cambridge University Press, 1987, p. 31.
8. Constance A. Cook and John S. Major, *Defining Chu: Image and Reality in Ancient China*, Honolulu: University of Hawaii Press, 1999, p. 4.
9. Pamela Kyle Crossley, 'The Rulerships of China: A Review Article', *American Historical Review*, 97/5 (1992), pp. 1471-2.
10. Junsei Watanabe, 'Manchu Manuscripts in the Toyo Bunko', in Luís Saraiva (ed.), *Europe and China: Science and Arts in the 17th and 18th Centuries*, Singapore; Hackensack, NJ: World Scientific, 2013, p.

187.

11. Cristina Costa Gomes and Isabel Murta Pina, "Making Clocks and Musical Instruments: Tomás Pereira as an Artisan at the Court of Kangxi (1673–1708)", *Revisita de Cultura* (International Edition), 51 (2016).

12. Ibid., p. 9.

13. Joseph Sebes, "The Jesuits and the Sino-Russian Treaty of Nerchinsk (1689) The Diary of Thomas Pereira, S. J.", *Bibliotheca Instituti Historici*, vol. XVIII (1962), pp. 114 and 207.

14. Arif Dirlik, 'Born in Translation: "China" in the Making of "Zhongguo"', *Boundary* (2015).

15. Lydia Liu, *The Clash of Empires: The Invention of China in Modern World Making*, Cambridge, MA: Harvard University Press, 2004, p. 76.

16. Hans van de Ven, *Breaking with the Past: The Maritime Customs Service and the Global Origins of Modernity in China*, New York: Columbia University Press, 2014

17. Zhang Deyi (trans. Simon Johnstone), *Diary of a Chinese Diplomat*, Beijing: Chinese Literature Press, 1992, p. 11.

18. Zhang Deyi, *Sui Shi Fa Guo ji* ("Random Notes on France"), Hunan: Renmin chubanshe, 1982, p. 182; Liu, *Clash of Empires*, p. 80.

19. Luke S. K. Kwong, What's In A Name: Zhongguo (Or "Middle Kingdom") Reconsidered, *Historical Journal*, 58/3 (2015), p. 799; Elisabeth Kaske, *The Politics of Language in Chinese Education: 1895–1919*, Leiden: Brill, 2008, p. 80.

20. Nicolas Tackett, *The Origins of the Chinese Nation: Song China and the Forging of an East Asian World Order*, Cambridge: Cambridge University Press, 2017, p. 3; Liu, *Clash of Empires*, p. 76, quoting Zhang, *Riben Guo Zhi*.

21. Julia C. Schneider, *Nation and Ethnicity: Chinese Discourses on History, Historiography, and Nationalism (1900s-1920s)*, Leiden: Brill, 2017, pp. 69–70.

22. John Fitzgerald, *Awakening China: Politics, Culture, and Class in the Nationalist Revolution*, Stanford, CA: Stanford University Press, 1996, p. 117.

23. Viren Murthy, *The Political Philosophy of Zhang Taiyan: The Resistance of Consciousness*, Leiden: Brill, 2011, p. 67. 24. Ibid., p. 76.

25. Schneider, *Nation and Ethnicity*, p. 145.

26. Ibid., chapter 3.

27. Yunzhi Geng, *An Introductory Study on China's Cultural Transformation in Recent Times*, Berlin: Springer, 2015, p. 146.

28. Frank Dikötter (ed.), *The Construction of Racial Identities in China and Japan*, Hong Kong: Hong Kong University Press, 1997, p. 45.

29. Schneider, *Nation and Ethnicity*, pp. 222-3.

30. Harold Schiffrin, *Sun Yat-Sen and the Origins of the Chinese Revolution*, Berkeley, CA: University of California Press, 1968, chapter 2.

31. 驱逐鞑虏 [Qūzhú dá ru : khu trục Thát lǎo], 恢复中华 [Huīfù zhonghuá: khôi phục Trung Hoa] - with the Xingzhonghui's anti-Manchu oath rendered similarly with only a slight change to: 驱逐鞑虏 [Qūchú dá ru],

恢复中华 [Huīfù zhonghuá].

32. Tze-ki Hon, *Revolution as Restoration: Guocui Xuebao and China's Path to Modernity, 1905-1911*, Leiden: Brill, 2013, p. 3.

33. Kenji Shimada, *Pioneer of the Chinese Revolution: Zhang Binglin and Confucianism*, Stanford, CA: Stanford University Press, 1990, p. 20; Murthy, *Political Philosophy of Zhang Taiyan*, p. 110.

34. Liu, *Clash of Empires*, p. 77. 35. Schneider, *Nation and Ethnicity*, p. 154.

36. Ibid., p. 158.

37. Arif Dirlik, 'Born in Translation: "China" in the Making of "Zhongguo"', paper presented at Institute for Social Sciences of the University of California Davis, co-hosted by Kredha, 22–24 September 2016.